

THƯ MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
INVITATION LETTER OF THE 2023 ANNUAL GENERAL MEETING OF
SHAREHOLDERS

Kính gửi quý Cổ đông

Dear Shareholder

Địa chỉ/ Address

.....

Điện thoại/ Phone

.....

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia ("**Công ty**") trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 ("**ĐHĐCĐ**") với thông tin chi tiết như sau:

An Gia Real Estate Investment and Development Corporation ("the Company") hereby invites esteemed Shareholders to attend the 2023 Annual General Meeting of Shareholders ("AGM") which will be held on:

1. Thời gian/ Time:

08:30 – 12:00

Thứ Năm, ngày 25 tháng 05 năm 2023

Thursday, 25th May 2023

2. Địa điểm/ Venue:

Tòa nhà An Gia

An Gia Building

Địa chỉ: 60 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM, Việt Nam

Address: 60 Nguyen Dinh Chieu Street, Da Kao Ward, District 1, HCMC, VietNam

3. Đối tượng tham dự/ Participants

Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ theo danh sách cổ đông chốt đến hết ngày 19/04/2023

Shareholder, whose name appears in the List of Shareholders at the record date of 19th April 2023

4. Đăng ký tham dự Đại hội/ The procedure of participation

Cổ đông hoặc Đại diện theo ủy quyền khi tham dự ĐHĐCĐ vui lòng mang theo:

Shareholders or Authorized representatives shall be kindly requested to present:

- Bản chính Thư mời họp ĐHĐCĐ của Công ty;
The original Invitation letter;
- Bản chính Chứng minh nhân dân/ Căn cước Công dân/ Hộ chiếu;
The original ID card/Passport;
- Bản chính Giấy ủy quyền theo mẫu của công ty (đối với trường hợp nhận ủy quyền).
The original Power of Attorney under the Company's form (in case of authorized representatives).

5. Tài liệu họp ĐHĐCĐ/ Documents for AGM

Quý Cổ đông vui lòng tham khảo tại website của Công ty (<https://angia.com.vn/vi/quan-he-dau-tu.html>)

Please refer to the Company's website for details (<https://angia.com.vn/vi/quan-he-dau-tu.html>)

Rất mong quý Cổ đông thu xếp thời gian tham dự đầy đủ.

Your attendance and participation are highly appreciated.

Trân trọng/ Sincerely Yours

TM. Hội đồng Quản trị/ On behalf of the Board of Directors

Nguyễn Bá Sáng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị/ Chairman

GIẤY ỦY QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN AN GIA (“CÔNG TY”)

BÊN ỦY QUYỀN

- Tên Cổ đông:
- CMND/CCCD/HC/GCNDKDN: Ngày cấp..... Nơi cấp
- Địa chỉ:
- Đại diện theo pháp luật (đối với Cổ đông là tổ chức):
- Số cổ phần sở hữu tại Công ty:

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

- Tên Bên nhận ủy quyền:
- CMND/CCCD/HC: Ngày cấp..... Nơi cấp
- Ngày cấp: Nơi cấp:
- Địa chỉ:
- Số cổ phần được ủy quyền:

Hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị của Công ty

☐ Ông Nguyễn Bá Sáng – Chủ tịch Hội đồng quản trị

NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Bên nhận ủy quyền được thay mặt và đại diện cho Bên ủy quyền:

- (i) tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Công ty được tổ chức ngày 25 tháng 05 năm 2023 (“Đại hội”);
- (ii) biểu quyết và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác của Cổ đông tương ứng với số cổ phần được ủy quyền nêu trên tại Đại hội.

Bên ủy quyền và Bên nhận ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty, đồng thời cam kết không đưa ra bất kỳ khiếu nại, kiện tụng gì đối với Công ty.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi kết thúc Đại hội. Bên nhận ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

GHI CHÚ:

- Giấy ủy quyền này phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và có chữ ký của Bên ủy quyền và Bên nhận ủy quyền (đối với Cổ đông là tổ chức phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của tổ chức).
- Bên nhận ủy quyền phải xuất trình CMND/CCCD/Hộ chiếu kèm theo Giấy ủy quyền theo mẫu do Công ty phát hành. Mọi trường hợp không có Giấy ủy quyền hợp lệ, Bên nhận ủy quyền không được tham dự Đại hội.

....., ngày, tháng, năm

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

BÊN ỦY QUYỀN

.....	
-------	-------

CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023

Thời gian : Từ 8h30 – 12h, Thứ năm, ngày 25/05/2023

Địa điểm : 60 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM

8:30-9:30	1	Phân nghi thức	Trình bày
		Đón tiếp – Kiểm tra tư cách cổ đông	
		Tuyên bố lý do – Giới thiệu Ban lãnh đạo Công ty, khách mời – Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông	MC
		a. Đề cử và biểu quyết thông qua nhân sự của Đại hội: ✓ Chủ tọa đoàn ✓ Ban Thư ký ✓ Ban Kiểm phiếu b. Biểu quyết thông qua: 1. Chương trình Đại hội 2. Quy chế làm việc	MC MC, Trưởng Ban Kiểm phiếu
9:30-9:45	2	Phân báo cáo	
	i.	Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2022	Ông Nguyễn Bá Sáng
	ii.	Báo cáo của Ủy ban kiểm toán và Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán	Ông Đỗ Lê Hùng
	iii.	Báo cáo của Ban Điều hành và kế hoạch kinh doanh năm 2023	Bà Huỳnh Thị Kim Ánh
9:45-10:15	3	Phân Tờ trình	
	i.	Tờ trình thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị	MC
	ii.	Tờ trình thông qua báo cáo của Ủy ban kiểm toán Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán	
	iii.	Tờ trình thông qua báo cáo của Ban Điều hành và kế hoạch kinh doanh năm 2023	
	iv.	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	
	v.	Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023	
	vi.	Tờ trình thông qua thù lao Hội đồng quản trị năm 2023	
	vii.	Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023	
	viii.	Tờ trình thông qua việc thay đổi trụ sở chính của Công ty	
	ix.	Tờ trình thông qua việc sửa đổi nội dung Điều lệ và ban hành Điều lệ mới của Công ty	
	x.	Tờ trình thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	
	xi.	Tờ trình thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty	
	xii.	Tờ trình thông qua việc mua lại cổ phiếu và phương án mua lại	
10:15-10:45	4	Phân thảo luận	Chủ tọa đoàn
10:45-11:00	5	Phân biểu quyết - Quy chế biểu quyết - Quy chế bầu cử - Phát và thu phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử	
11:00-11:30	6	Tea-break	
11:30-11:45	7	Báo cáo kết quả kiểm phiếu	Trưởng ban kiểm phiếu
11:45-12:00	8	Thông qua dự thảo Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	Ban Thư ký
12:00	9	Bế mạc Đại hội	MC

DỰ THẢO**QUY CHẾ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT****TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (“**ĐHĐCĐ**” hoặc “**Đại hội**”) của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia (“**Công ty**”).

Điều 2. Mục đích áp dụng

Quy chế này quy định cụ thể trình tự thủ tục để các Cổ đông, Người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia ĐHCĐ tiến hành ĐHCĐ.

Tùy thuộc vào tình hình diễn biến của dịch bệnh Covid-19 và căn cứ các chỉ đạo/khuyến cáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Công Ty sẽ quyết định áp dụng hoặc không áp dụng các biện pháp phòng chống dịch bệnh khi tiến hành ĐHCĐ.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Cổ đông, Người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia ĐHCĐ có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II**CỔ ĐÔNG, CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG****Điều 4. Cổ đông tham dự ĐHCĐ****4.1 Điều kiện tham dự ĐHCĐ**

- Là cổ đông sở hữu cổ phần Công ty có tên trong Danh sách cổ đông của Công ty tại ngày chốt Danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHCĐ hoặc là người được các Cổ đông này ủy quyền tham dự họp; và
- Đáp ứng đủ các điều kiện bảo đảm an toàn phòng, chống dịch bệnh Covid-19 theo các chỉ đạo/khuyến cáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4.2 Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

- a. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền cần mang theo các giấy tờ sau:
- Bản chính Thông báo mời họp;
 - Bản chính Giấy Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu;
 - Bản chính Giấy ủy quyền theo mẫu của Công ty (trường hợp là Người được ủy quyền dự họp).
- b. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền xuất trình các giấy tờ theo điểm a nêu trên cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu họp ĐHĐCĐ cùng với Phiếu biểu quyết và Thẻ biểu quyết.
- c. Cổ đông được ủy quyền bằng văn bản cho Người được ủy quyền thay mặt tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ không được ủy quyền lại cho người khác tham dự ĐHĐCĐ.
- d. Trường hợp thùng phiếu chưa được niêm phong, cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi ĐHĐCĐ đã khai mạc vẫn có quyền đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông, nhận tài liệu họp ĐHĐCĐ cùng Phiếu biểu quyết, và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó (nếu có) không thay đổi. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký.
- e. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp phải ứng xử văn minh, lịch sự, tôn trọng kết quả làm việc tại ĐHĐCĐ. Việc ghi âm, ghi hình của cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp tại ĐHĐCĐ phải được thông báo công khai và phải được chấp thuận bởi Chủ tọa.
- f. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp phải tuân thủ các quy định khác trong Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định của Luật doanh nghiệp khi tham dự ĐHĐCĐ.

Điều 5. Đoàn Chủ tịch, Chủ tọa Đại hội

- 5.1 Đoàn Chủ tịch bao gồm các Thành viên của Hội đồng Quản trị (**HĐQT**), Ban Tổng Giám đốc (**BTGD**) và thành viên khác do Chủ tọa chỉ định. Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa Đại hội và là người chủ trì ĐHĐCĐ.
- 5.2 Đoàn Chủ tịch sẽ thực hiện các công việc nhằm hỗ trợ việc điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ của Chủ tọa.
- 5.3 Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa:
- a. Điều hành các hoạt động của ĐHĐCĐ theo chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- b. Có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ, bao gồm nhưng không giới hạn:
- Trả lời những vấn đề do ĐHĐCĐ yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời hoặc ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu có các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội

dung xin ý kiến ĐHĐCĐ. Để làm rõ, chủ tọa được quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận những ý kiến đóng góp của các cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị đó nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội;

- Có quyền tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự, bao gồm nhưng không giới hạn việc tạm dừng hoặc hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ nếu có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp; hoặc có quyền trục xuất những người có biểu hiện cản trở, gây rối, không tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa và Đoàn Chủ tịch ra khỏi cuộc họp để cuộc họp ĐHĐCĐ tiến hành theo đúng quy định pháp luật;

c. Thực hiện các công việc khác phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật để điều hành ĐHĐCĐ.

Điều 6. Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông

6.1 Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông gồm 03 thành viên (bao gồm một (01) Trưởng ban và các thành viên) do Chủ tọa chỉ định.

6.2 Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông có quyền và trách nhiệm:

- Kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp: yêu cầu cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp xuất trình Thông báo mời họp, Giấy Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền hợp lệ (trường hợp là người được ủy quyền dự họp) để đối chiếu Danh sách cổ đông và xác định tư cách tham dự họp hợp lệ của cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp;
- Phát tài liệu họp ĐHĐCĐ, thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp;
- Báo cáo trước ĐHĐCĐ và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ tại các thời điểm sau:
 - + trước giờ ĐHĐCĐ chính thức được tiến hành;
 - + trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự ĐHĐCĐ (cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

Điều 7. Ban Thư ký

7.1 Ban Thư ký gồm hai (02) thành viên (một (01) trưởng ban và một (01) thành viên) do Chủ tọa đề cử và được thông qua tại ĐHĐCĐ.

7.2 Ban Thư ký thực hiện các công việc hỗ trợ Chủ tọa tại ĐHĐCĐ, bao gồm:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung ĐHĐCĐ;
- Công bố dự thảo Biên bản cuộc họp, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
- Tiếp nhận câu hỏi bằng văn bản của cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp;
- Các công việc khác theo phân công của Chủ tọa.

Điều 8. Ban kiểm phiếu

- 8.1 Ban kiểm phiếu gồm ba (03) thành viên (một (01) Trưởng ban và hai (02) thành viên) do Chủ tọa đề cử và được thông qua tại ĐHĐCĐ.
- 8.2 Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:
- Chuẩn bị thùng phiếu, phổ biến nguyên tắc biểu quyết, cách sử dụng Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết, trình tự và thể thức biểu quyết;
 - Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ;
 - Kiểm phiếu, tính toán, ghi nhận số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung;
 - Trưởng ban kiểm phiếu sẽ báo cáo kết quả kiểm phiếu tại ĐHĐCĐ theo chỉ định của Chủ tọa và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố.

CHƯƠNG III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 9. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ

- 9.1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp và ủy quyền tham dự đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo Danh sách Cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ.
- 9.2. Trường hợp quá sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm khai mạc ĐHĐCĐ được ghi trong nội dung chương trình cuộc họp đã gửi cho các cổ đông mà số cổ đông đăng ký tham dự ĐHĐCĐ chưa đại diện đủ tỷ lệ theo Điều 9.1 của Quy chế này thì cuộc họp được xem như chưa đủ điều kiện tiến hành.
- 9.3. Trường hợp ĐHĐCĐ chưa đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 9.2 của Quy chế này thì việc triệu tập và tiến hành cuộc họp cho lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Luật doanh nghiệp.

Điều 10. Tiến hành ĐHĐCĐ

- 10.1. Chủ tọa điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ diễn ra theo đúng trình tự, nội dung chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- 10.2. ĐHĐCĐ sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung chương trình ĐHĐCĐ theo hình thức biểu quyết tại Quy chế này. Chủ tọa sẽ bố trí thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình ĐHĐCĐ.
- 10.3. ĐHĐCĐ sẽ bế mạc sau khi Biên bản họp ĐHĐCĐ được thông qua.

Điều 11. Phiếu biểu quyết và Thẻ biểu quyết

- 11.1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được ủy quyền dự họp sẽ được cấp một (01) Phiếu biểu quyết gồm các nội dung biểu quyết cần thông qua tại ĐHĐCĐ và một (01) Thẻ biểu quyết.
- 11.2. Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết và Thẻ biểu quyết tương ứng với số cổ phần có quyền

biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu và được ủy quyền (nếu có).

- 11.3. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết có thể được mã hóa các thông tin để phục vụ việc kiểm phiếu bằng phần mềm vi tính.
- 11.4. Phiếu biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính vào kết quả biểu quyết. Phiếu biểu quyết không hợp lệ là phiếu thuộc một trong các trường hợp như sau:
- Phiếu biểu quyết không do Công ty phát hành;
 - Ghi thêm nội dung, thông tin, ký hiệu khác khi không được Chủ tọa yêu cầu;
 - Bị gạch xóa, sửa chữa, rách, không còn nguyên vẹn (trường hợp này cổ đông có thể yêu cầu đổi lại phiếu mới và trả lại phiếu cũ cho Ban kiểm phiếu, mỗi cổ đông được yêu cầu đổi Phiếu biểu quyết 01 lần);
 - Không có ký tên và ghi rõ họ tên của cổ đông hoặc người được ủy quyền.
- 11.5. Trường hợp có bất kỳ nội dung nào trong Phiếu biểu quyết được ghi nhiều ý kiến khác nhau hoặc không chọn bất kỳ kết quả biểu quyết nào hoặc chọn từ hai (02) - ba (03) kết quả biểu quyết trong cùng một nội dung biểu quyết hoặc thay đổi kết quả biểu quyết từ hai (02) lần trở lên thì những nội dung biểu quyết đó được xác định là “Không có ý kiến” vào kết quả biểu quyết; những nội dung còn lại được biểu quyết hợp lệ vẫn có giá trị pháp lý.
- 11.6. Việc biểu quyết đối với từng nội dung biểu quyết trong Phiếu biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết đối với nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của phần biểu quyết đối với các nội dung khác.
- 11.7. Những Phiếu biểu quyết không gửi cho Ban kiểm phiếu trong quá trình thu phiếu tại Đại hội sẽ không được tính vào kết quả biểu quyết.

Điều 12. Cách thức biểu quyết

- 12.1. Khi biểu quyết các vấn đề cần thông qua được ghi trong Phiếu biểu quyết, cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ tiến hành biểu quyết bằng cách đánh dấu “✓” hoặc “X” vào phương án biểu quyết trong Phiếu biểu quyết (Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến).

Trong trường hợp cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ đã chọn nhưng muốn thay đổi phương án biểu quyết thì cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ khoanh tròn phương án đã chọn   và đánh dấu “✓” hoặc “X” vào phương án chọn mới (lưu ý: việc thay khoanh đổi phương án biểu quyết chỉ được thực hiện một (01) lần, nếu thay đổi từ hai (02) lần trở lên thì nội dung biểu quyết đó được xác định là “Không có ý kiến” theo quy định tại Khoản 11.5 Điều 11 của Quy chế này).

- 12.2. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ bỏ Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu. Sau khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu, tùy thời điểm nào đến trước, Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm thông báo kết quả biểu quyết tại ĐHĐCĐ.
- 12.3. Đối với các vấn đề khác cần thông qua tại ĐHĐCĐ mà không ghi trong Phiếu biểu quyết thì sẽ được biểu quyết thông qua bằng cách sử dụng Thẻ biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết theo hướng dẫn của Chủ tọa, các cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ biểu quyết

bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết.

Các vấn đề được Đại hội xin ý kiến bằng cách giơ Thẻ biểu quyết sẽ được thực hiện theo trình tự như sau:

- Tán thành với vấn đề cần xin ý kiến
- Không tán thành với vấn đề cần xin ý kiến;
- Không có ý kiến.

Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại kết quả kiểm phiếu để công bố tại ĐHĐCĐ.

Điều 13. Kiểm phiếu

13.1. Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định sau đây:

- Làm việc tại khu vực riêng do Chủ tọa bố trí;
- Có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử hỗ trợ việc kiểm phiếu;
- Kiểm tra tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết;
- Kiểm tra lần lượt từng Phiếu biểu quyết và ghi nhận kết quả kiểm phiếu;
- Tính toán và loại bỏ số cổ phần không được quyền biểu quyết của Cổ đông không có quyền biểu quyết (nếu có ở từng nội dung cần biểu quyết);
- Niêm phong toàn bộ Phiếu biểu quyết và bàn giao lại cho Đoàn chủ tịch.

Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu để thống kê kết quả biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết để báo cáo ĐHĐCĐ. Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu hoặc Trưởng Ban kiểm phiếu.

Điều 14. Thông báo kết quả Kiểm phiếu

Kết quả biểu quyết sẽ được Chủ tọa hoặc người được Chủ tọa chỉ định công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 15. Ghi nhận ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ

- 15.1. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền tham dự khi muốn phát biểu tại ĐHĐCĐ thì phải giơ Thẻ biểu quyết hoặc đăng ký phát biểu với Ban Thư ký. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn, phù hợp với nội dung chương trình đại hội và không phát biểu lại các nội dung đã được cổ đông hoặc Người được ủy quyền tham dự khác đã phát biểu.
- 15.2. Chủ tọa căn cứ vào thời gian chương trình họp để sắp xếp việc phát biểu của cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự. Chủ tọa sẽ ưu tiên phát biểu cho các cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự có đăng ký trước và nội dung có liên quan đến chương trình Đại hội. Để làm rõ, chỉ những ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình ĐHĐCĐ mới được xem xét ghi vào Biên bản cuộc họp.
- 15.3. Ban Thư ký sẽ xem xét ghi chép vào Biên bản họp ĐHĐCĐ các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình đại hội.

Điều 16. Thông qua Quyết định của ĐHĐCĐ

- 16.1. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông hoặc Người được uỷ quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Điều 16.2 Quy chế này.
- 16.2. Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; thay đổi tên Công ty; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; tổ chức lại hay giải thể Công ty; dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông hoặc Người được uỷ quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
- 16.3. Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 17. Ghi và lập Biên bản họp ĐHĐCĐ

- 17.1. Ban Thư ký chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến ĐHĐCĐ, dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, lập biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.
- 17.2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi bế mạc. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCĐ kết thúc.
- 17.3. Chủ tọa và Ban Thư ký liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp ĐHĐCĐ. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

CHƯƠNG IV: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Hiệu lực thi hành

- 18.1. Quy chế này được đọc trước ĐHĐCĐ và lấy ý kiến biểu quyết của các Cổ đông. Nếu Quy chế này được ĐHĐCĐ thông qua với tỷ lệ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp trở lên thì Quy chế này sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả các cổ đông.
- 18.2. Các cổ đông, các thành viên tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia chịu trách nhiệm thi hành.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN BÁ SÁNG

DỰ THẢO**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023**

Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia (“**Công ty**” hoặc “**An Gia**”), HĐQT xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) thường niên về tình hình hoạt động của HĐQT năm 2022 và kế hoạch, định hướng năm 2023, chi tiết như sau:

I. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2022**1.1 Thành viên và cơ cấu của HĐQT**

Tính đến 31/12/2022, HĐQT của Công ty có 05 thành viên; trong đó bao gồm 01 Chủ tịch Hội đồng quản trị, 02 thành viên Hội đồng quản trị độc lập, 02 thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

1.2 Công tác định hướng, tư vấn và hoạt động của HĐQT

Trong năm 2022, HĐQT luôn theo sát tình hình hoạt động của Công ty, đồng thời có nhiều giải pháp phù hợp để duy trì hoạt động ổn định và an toàn cho Công ty, theo đó, HĐQT đã tổ chức 36 cuộc họp và ban hành 36 Nghị quyết về các vấn đề quan trọng mang tính chiến lược của Công ty. HĐQT đã kịp thời định hướng, tư vấn cho Ban Điều hành trong các hoạt động nền tảng của Công ty như mở rộng quỹ đất và phát triển dự án, đồng thời, HĐQT cũng đã dự thảo và trình ĐHĐCĐ thông qua điều chỉnh và cập nhật nhiều văn bản làm nền tảng cho hoạt động quản trị của Công ty trong dài hạn như Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty...

Cũng trong năm 2022, dưới sự chỉ đạo và tư vấn sát sao của HĐQT, Công ty đã triển khai bàn giao và ghi nhận doanh thu từ 02 dự án: Dự án The Standard (Bình Dương) và dự án The Sóng (Bà Rịa – Vũng Tàu).

1.3 Hoạt động giám sát của HĐQT

Trong năm 2022, HĐQT đã thực hiện công việc theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị nội bộ Công ty, các quy định, quy chế và pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Chủ trì, chỉ đạo và tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 vào ngày 15/04/2022.
- Giám sát việc thực hiện, tuân thủ các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành;
- Giám sát việc M&A dự án BC3.2;
- Giám sát quá trình xây dựng, hoàn thiện và bàn giao cho người mua nhà tại 02 dự án The Standard (Bình Dương) và The Sóng (Vũng Tàu);

- Duy trì các chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình kinh doanh và điều hành Công ty của Ban Điều hành cho HĐQT;
- Giám sát việc triển khai hệ thống SAP;
- Giám sát hoạt động quản lý Ban Điều hành trong các hoạt động kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả và hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch đặt ra.

1.4 Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT trong năm 2022

Hoạt động của Tiểu ban Chiến lược:

- Phê chuẩn tầm nhìn, sứ mệnh và các mục tiêu chiến lược dài hạn;
- Thường xuyên cập nhật cho HĐQT và Ban Điều hành các thay đổi trong kinh tế vĩ mô, môi trường kinh doanh...;
- Định hướng các quyết định kinh doanh, đầu tư và các hoạt động liên quan đến tổ chức công ty;
- Tham gia đánh giá chất lượng của các hoạt động tư vấn.

Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán: được đề cập cụ thể tại Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán.

1.5 Hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2022, các Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã tham gia vào phản biện, kiểm soát, đánh giá mục tiêu kế hoạch kinh doanh, tham gia xây dựng các Quy chế, chính sách vận hành nhằm đảm bảo lợi ích chung của Công ty. Bên cạnh đó, các Thành viên Hội đồng quản trị Độc lập đã trực tiếp chia sẻ kiến thức với Ban Điều Hành nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong công tác quản trị Công ty.

Theo đánh giá của các Thành viên Hội đồng quản trị độc lập, các công việc của HĐQT đã thực hiện trong năm 2022 đã tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị và các chuẩn mực về HĐQT.

Tất cả các thành viên HĐQT có tinh thần trách nhiệm và tính chuyên nghiệp cao, rõ ràng về trách nhiệm được phân công và cẩn trọng trong việc thực hiện vai trò bảo vệ lợi ích của Công ty.

1.6 Lương thưởng, thù lao, các lợi ích của HĐQT

Kính đề nghị Quý cổ đông tham khảo trang 48 Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán, phần Thuyết minh “Nghịệp vụ với các bên liên quan”.

1.7 Báo cáo kết quả phát hành trái phiếu trong năm 2022

Trong năm 2022, HĐQT đã thông qua kế hoạch và giám sát việc phát hành trái phiếu của Công ty theo bảng thống kê bên dưới:

STT	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Giá trị phát hành trong năm 2022 (tỷ đồng)
1	12 tháng	11/03/2022	200
2	24 tháng	06/04/2022	17,7
3	24 tháng	12/05/2022	300
Tổng cộng			517,7

(Nguồn: Phòng Tài chính)

1.8 Báo cáo về giao dịch với các bên liên quan

Kính đề nghị Quý cổ đông tham khảo phần Thuyết minh “Nghiệp vụ với các bên liên quan” trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong bối cảnh tình hình kinh tế được dự báo sẽ khó khăn trong thời gian dài, lãi suất có nhiều biến động, quỹ đất để phát triển dự án ngày càng khan hiếm cùng nhiều rủi ro khác, HĐQT đánh giá năm 2023 sẽ là một năm có nhiều thách thức với hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2023, HĐQT sẽ chú trọng đến các công tác sau đây:

- Chỉ đạo và kiểm soát việc thực hiện kế hoạch hoạt động của Ban Điều hành nhằm thực hiện thành công các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được ĐHĐCĐ thông qua;
- Chuẩn bị các nguồn lực để sẵn sàng với các thay đổi trong môi trường kinh doanh;
- Tư vấn và định hướng chiến lược cho Ban Điều hành trong tổ chức công ty, hoạt động đầu tư, huy động vốn, phát triển quỹ đất;
- Giám sát việc chuẩn bị nguồn vốn cho dự án, việc đầu tư và triển khai dự án The Gió (Bình Dương);
- Chỉ đạo và giám sát quá trình xây dựng, hoàn thiện và bàn giao dự án Westgate (Bình Chánh)
- Dàn nâng cấp hệ thống quản trị công ty theo thông lệ quốc tế, hướng trọng tâm vào các hoạt động quản lý rủi ro;
- Chỉ đạo đẩy mạnh số hóa và áp dụng công nghệ trong quản trị nội bộ và hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2023, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và nhân viên Công ty sẽ tiếp tục nỗ lực xây dựng An Gia phát triển ổn định, hiệu quả và bền vững nhằm tạo ra và bảo vệ tốt nhất lợi ích của cổ đông và các đối tác.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

NGUYỄN BÁ SÁNG

DỰ THẢO**BÁO CÁO CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN
VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP
TRONG ỦY BAN KIỂM TOÁN****TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023**

Ủy ban Kiểm toán và Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán báo cáo Đại hội đồng cổ đông (“**DHĐCĐ**”) kết quả hoạt động và giám sát năm 2022 như sau:

I- Tổ chức bộ máy và hoạt động của Ủy ban Kiểm toán trong năm 2022**1. Thành phần, cơ cấu Ủy ban Kiểm toán:**

Ủy ban Kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia gồm có 3 thành viên như sau:

STT	Họ tên	Chức danh	Vị trí	Ngày bắt đầu/ Kết thúc
1	Ông Đỗ Lê Hùng	Thành viên độc lập HĐQT	Chủ tịch UBKT	Bắt đầu từ 09/09/2019
2	Ông Vũ Quang Thịnh	Thành viên độc lập HĐQT	Thành viên	Bắt đầu từ 09/09/2019
3	Ông Masakazu Yamaguchi	Thành viên HĐQT	Thành viên	Bắt đầu từ 07/07/2021

2. Cơ chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán

Căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành (Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Luật Chứng khoán 2019, Nghị định 155, Thông tư 116 và các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán 2019), HĐQT đã phê duyệt cập nhật mới Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán phù hợp với Điều lệ của Công ty.

3. Các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán và tham gia của các thành viên

Trong năm 2022, UBKT đã tổ chức 4 cuộc họp chính thức với sự tham gia đầy đủ của các thành viên, trong đó có 1 cuộc họp trực tuyến.

4. Thù lao và chi phí hoạt động của Ủy Ban kiểm toán

Về thù lao của Ủy Ban kiểm toán năm 2022: chi tiết thù lao của các thành viên Ủy Ban kiểm toán được thể hiện trong báo cáo hoạt động HĐQT. Ngoài phần thù lao này, các thành viên UBKT không hưởng thêm các khoản lợi ích hay thù lao nào khác.

Chi phí hoạt động của Ủy ban kiểm toán năm 2022: tuân thủ theo các quy định và quy chế nội bộ của Công ty.

5. Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT và Ban Điều hành

Ủy ban Kiểm toán thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT thông qua các cuộc họp, trao đổi, cách thức đưa ra Nghị quyết của HĐQT đồng thời thực hiện giám sát hoạt động của BDH thông qua việc chấp hành các Nghị quyết của HĐQT cũng như cơ chế phân quyền giữa HĐQT và TGD.

Hoạt động giám sát của UBKT được triển khai đa dạng qua các kênh báo cáo và tiếp xúc với Giám đốc Kế hoạch Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng Kiểm toán nội bộ, Kiểm soát nội bộ và QLRR, Trưởng Bộ phận Pháp chế cũng như Kiểm toán độc lập.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ủy ban Kiểm toán luôn phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, thành viên BDH và các cán bộ quản lý liên quan và luôn nhận được sự hợp tác từ phía BDH.

II- Kết quả giám sát của Ủy ban Kiểm toán

1. Tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐQT:

Tất cả các vấn đề quan trọng đều được thảo luận công khai, dân chủ trong HĐQT. Các cuộc họp HĐQT có sự tham gia của Ban điều hành và cán bộ chủ chốt phụ trách các lĩnh vực tham gia báo cáo, thảo luận. Vì vậy, các vấn đề được đánh giá, thảo luận thấu đáo, cân trọng để đi đến quyết định thống nhất trước khi ra Nghị quyết.

BDH luôn bám sát và thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành. Thư ký Công ty thực hiện theo dõi, đôn đốc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT.

2. Báo cáo tài chính và hệ thống kế toán:

Ủy ban Kiểm toán đã thực hiện xem xét BCTC các quý và cả năm 2022 trên cơ sở báo cáo kết quả kiểm toán của Kiểm toán độc lập. Báo cáo tài chính 2022 được lập và trình bày trung thực, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt nam và các quy định hiện hành.

Trong năm tài chính 2022, Công ty áp dụng ổn định các chính sách kế toán và nguyên tắc xác định các ước tính kế toán từ kỳ kế toán năm trước.

Các nghiệp vụ trọng yếu như sáp nhập, thoái vốn, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng dự án, thay đổi quyền kiểm soát... đã được Kiểm toán độc lập và Ủy ban Kiểm toán xem xét cẩn trọng.

Giao dịch với các bên liên quan được theo dõi, báo cáo và kiểm soát theo quy định. Những giao dịch trọng yếu đều được Kiểm toán độc lập và Ủy ban Kiểm toán chất vấn và làm rõ bản chất. Phần lớn các giao dịch này liên quan đến hoạt động kinh doanh cốt lõi, phù hợp với cấu trúc tài chính của công ty.

Không phát hiện các gian lận hoặc rủi ro gian lận tiềm tàng trên báo cáo tài chính.

Ủy ban Kiểm toán ghi nhận các phát hiện và khuyến nghị của Kiểm toán độc lập trong Thư quản

lý 2022 cũng như phản hồi tiếp thu của Ban điều hành.

3. Hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro:

Ủy ban Kiểm toán giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống quản lý rủi ro thông qua báo cáo và các cuộc tiếp xúc, phỏng vấn trực tiếp với Bộ phận Kiểm toán nội bộ, KSNB và QLRR, Kiểm toán độc lập và các đơn vị, bộ phận chức năng của An Gia.

Việc chuyển đổi mô hình quản lý, quản trị công ty, từng bước tiếp cận với thông lệ QTCT tốt nhất, có bước đi phù hợp với đặc điểm của Công ty vẫn được tiếp tục duy trì và cải thiện liên tục

Các báo cáo QLRR được cập nhật và báo cáo định kỳ lên BDH và HĐQT, trên cơ sở đó có biện pháp cải thiện hệ thống KSNB để kiểm soát các rủi ro thích hợp.

Rủi ro và thách thức lớn nhất trong năm 2022 (cũng là khó khăn lớn nhất từ khi thành lập Công ty) là quản lý dòng tiền và đảm bảo khả năng thanh toán của công ty trong điều kiện thị trường bất động sản suy giảm, trong khi đó Nhà nước tăng cường thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng cường kỷ cương huy động và sử dụng vốn. Điều đó dẫn tới nhiều khó khăn cho Công ty; song HĐQT và Ban điều hành cũng như tập thể cán bộ, nhân viên toàn công ty đã quyết tâm vượt qua khó khăn và thách thức. Ủy ban Kiểm toán ghi nhận sự nỗ lực của Ban lãnh đạo trong việc áp dụng nhiều giải pháp tiết kiệm chi phí, khai thác tối đa nguồn thu trên cơ sở điều hòa và khai thác hợp lý tiến độ xây dựng, tiến độ giải ngân, tiến độ bán hàng, đồng thời giảm mạnh tỷ lệ nợ vay trên vốn chủ sở hữu, từng bước đảm bảo cấu trúc tài chính hợp lý, an toàn và có dự phòng khi thị trường có thể xấu hơn.

4. Kiểm toán nội bộ:

Ủy ban Kiểm toán đánh giá Kiểm toán nội bộ đã hoàn thành kế hoạch KTNB 2022 trong thời gian và nguồn lực dự kiến. Các khuyến nghị KTNB đã được Ban điều hành ghi nhận và có kế hoạch thực hiện chi tiết.

5. Các vấn đề về pháp lý:

Bộ máy chuyên trách về pháp lý của Công ty hoạt động hiệu quả. Ngoài việc hỗ trợ các vấn đề pháp lý cho các đơn vị, Bộ phận Pháp chế còn tổ chức theo dõi và cập nhật thường xuyên các quy định của pháp luật trong quản lý doanh nghiệp, đầu tư, xây dựng, đánh giá rủi ro pháp lý từ yếu tố chính sách đến việc áp dụng cụ thể tại Công ty, từ đó có khuyến nghị để đảm bảo tuân thủ tuyệt đối các quy định của pháp luật, giảm thiểu rủi ro pháp lý và luôn giữ lợi thế, chủ động trong các vấn đề pháp lý của Công ty.

Các vấn đề có rủi ro pháp lý được quản lý và giám sát chặt chẽ đồng thời báo cáo đột xuất hoặc định kỳ lên Ban lãnh đạo để có biện pháp xử lý kịp thời, giảm thiểu rủi ro pháp lý.

6. Dịch vụ Kiểm toán độc lập:

UBKT đánh giá Công ty kiểm toán độc lập Ernst &Young đã thực hiện đầy đủ nội dung hợp đồng và kế hoạch kiểm toán 2022, đáp ứng được kỳ vọng của Ủy ban Kiểm toán trên cả 3 tiêu chí: Độ tin cậy của báo cáo kiểm toán, đáp ứng thời hạn báo cáo kiểm toán, và đóng góp cải thiện hệ thống KSNB.

Không có phát hiện các vấn đề về xung đột lợi ích, độc lập, khách quan của kiểm toán viên, nhóm kiểm toán cũng như Công ty kiểm toán khi thực hiện các công việc liên quan..

TM. Ủy ban Kiểm toán
Chủ tịch

ĐỖ LÊ HÙNG

DỰ THẢO**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH****TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023****I. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022**

Trong năm 2022, ngay sau cơn đại dịch toàn cầu Covid-19, ngành bất động sản lại tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức, tiềm ẩn nhiều rủi ro và thử thách từ nền kinh tế toàn cầu. Tại thị trường trong nước, vào thời điểm nửa cuối năm, môi trường lãi suất thay đổi nhanh chóng, những thiếu hụt về mặt nguồn vốn và các thủ tục pháp lý đang gặp vướng mắc là những khó khăn đáng kể trong thời gian qua. Tập đoàn An Gia đã rất nỗ lực trong giai đoạn khó khăn vừa qua để cố gắng đạt được mục tiêu kinh doanh đã đề ra tại ĐHCĐ năm trước.

Theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán, Công ty đã đạt được 113% kế hoạch doanh thu cả năm với doanh thu thuần 6.188,6 tỷ đồng. Việc bàn giao hai dự án, bao gồm The Sóng (quy mô 1.600 sản phẩm tại Vũng Tàu) và The Standard (quy mô 375 sản phẩm thấp tầng tại Bình Dương), là nguyên nhân chính dẫn đến tăng trưởng doanh thu của công ty trong kỳ, theo đó, tổng tài sản ghi nhận giảm 12% do chỉ tiêu Hàng tồn kho xuống tương ứng khi thực hiện bàn giao dự án.

Ngoài ra, Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế TNDN ghi nhận giảm 77% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chủ yếu là do:

- Do tình hình khó khăn pháp lý kéo dài và chưa xác định được kế hoạch triển khai cụ thể đối với dự án The A (Quận 7, TP.HCM), Công ty quyết định ghi nhận toàn bộ chi phí bán hàng của dự án The A vào cùng kỳ Báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022 dẫn đến lợi nhuận gộp giảm
- Công ty thực hiện 3 đợt phát hành trái phiếu trong nửa đầu năm 2022 và các đợt tăng lãi suất điều hành của Ngân hàng Nhà nước khiến chi phí tài chính tăng, dẫn đến lợi nhuận ròng giảm

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021	% chênh lệch
1	Vốn chủ sở hữu	2.725.618.707.754	2.675.589.374.808	2%
2	Tổng tài sản	11.098.528.307.189	12.564.827.909.056	-12%
3	Doanh thu thuần	6.188.634.735.154	1.808.364.764.217	242%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	96.554.361.414	421.167.355.783	-77%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán)

1. Hoạt động phát triển dự án và bán hàng

Trong giai đoạn nửa đầu năm 2022, Tập đoàn An Gia đã hoàn tất thương vụ thu mua quỹ đất BC3.2 tại Bình Chánh – quy mô lên đến 3.000 sản phẩm. Trong bối cảnh nền kinh tế phải đối mặt với nhiều biến động, khó khăn và đầy nhân tố bất lợi trong năm 2022, Tập đoàn An Gia đã triển khai các chiến lược, biện pháp kịp thời vào thời điểm nửa cuối năm 2022, chuyển mình sang trạng thái phòng thủ khi chỉ tập trung triển khai các quỹ đất mà Tập đoàn đã sở hữu và cần trọng hơn trong việc mở rộng quỹ đất.

Bên cạnh đó, ngay sau khi nền kinh tế Việt Nam dần khởi động lại sau dịch Covid-19, Tập đoàn An Gia đã đẩy mạnh công tác bán hàng đối với hai dự án mà Tập đoàn đang triển khai, bao gồm dự án Westgate (Bình Chánh) và dự án The Standard (Bình Dương), nhận được sự phản hồi tích cực từ đông đảo người mua nhà. Tuy nhiên, việc triển khai bán hàng cũng chậm lại trong nửa cuối năm khi nền kinh tế chịu nhiều áp lực từ các yếu tố vĩ mô, cụ thể là môi trường lãi suất tăng cao khiến người mua nhà thận trọng hơn khi ra quyết định mua sản phẩm bất động sản.

Ngoài ra, trong năm 2022, An Gia đã hoàn tất quá trình bàn giao dự án The Standard tại Bình Dương và dự án The Sóng tại Vũng Tàu và được đón nhận rất tích cực bởi người mua nhà khi dự án được triển khai trong giai đoạn dịch bệnh nhưng vẫn được bàn giao đúng như đã cam kết với khách hàng.

2. Hoạt động phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động

Trong quý I/2023, An Gia đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức cho cổ đông và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cụ thể, An Gia đã phát hành thêm 13.405.173 cổ phiếu tương ứng với 12% lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành; nâng tổng số lượng cổ phiếu sau phát hành lên 125.118.368 cổ phiếu.

Các thủ tục phát hành và tăng vốn được tiến hành đúng trình tự pháp luật và đăng ký đầy đủ với Cơ quan chức năng.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

1. Định hướng chung

- Năm 2023 sẽ tiếp tục là một năm đầy thử thách, tuy nhiên vẫn sẽ mở ra nhiều cơ hội để mở rộng quỹ đất khi giai đoạn thị trường khó khăn cũng là thời điểm các quỹ đất có giá tốt; Công ty sẽ thận trọng hơn trong giai đoạn này và sẽ ưu tiên các quỹ đất có tình trạng pháp lý rõ ràng và có thể triển khai dự án nhanh. Đồng thời, mục tiêu phát triển quỹ đất còn bao gồm việc tích lũy quỹ đất cho các mục tiêu phát triển dài hạn của Công ty.
- Xây dựng các phương án, kịch bản khác nhau để ứng phó với các thay đổi trong môi trường kinh doanh nhiều biến động;
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí bao gồm chi phí dự án và chi phí hoạt động. Trong đó, đặc biệt chú trọng giám sát và kiểm soát việc thực hiện chi phí xây dựng dự án;

- Ổn định cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn bộ máy, đẩy mạnh phân quyền để đẩy nhanh hoạt động ra quyết định trong quá trình vận hành kinh doanh;

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2023

Đánh giá các cơ hội và thách thức đối với hoạt động của An Gia, Ban Điều hành xây dựng kế hoạch doanh năm 2023 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (tỷ đồng)	3.000
2	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ (tỷ đồng)	100

3. Giải pháp thực hiện kế hoạch của Ban Điều hành

Để đạt được các mục tiêu trong năm 2023, Ban Điều hành sẽ tập trung triển khai một số biện pháp sau:

- Bàn giao và ghi nhận doanh thu dự án Westgate;
- Chuẩn bị nguồn vốn phục vụ công tác hoàn thiện, bàn giao dự án Westgate và đầu tư, triển khai dự án The Gió;
- Đa dạng nguồn vốn để tài trợ phát triển dự án thông qua việc hợp tác với các đối tác cấp vốn trong và ngoài nước
- Tập trung các nguồn lực hiện có vào năng lực cốt lõi của An Gia với trọng tâm là các sản phẩm nhà ở (căn hộ, khu compound) trong phân khúc trung cấp. Kinh nghiệm cho thấy trong bối cảnh thị trường suy thoái, các sản phẩm trong phân khúc này vẫn tiêu thụ được do nhắm vào nhu cầu nhà ở thực còn nhiều;

Tóm lại, trong năm 2022, An Gia đã đạt được nhiều thành tựu trong tổ chức và hoạt động kinh doanh. Bước sang năm 2023, Ban Điều hành và nhân viên tiếp tục nỗ lực xây dựng An Gia phát triển ổn định, hiệu quả và bền vững nhằm tạo ra và bảo vệ tốt nhất lợi ích của cổ đông và các đối tác.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo của Ban Điều hành và kế hoạch kinh doanh năm 2023.

Trân trọng./.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN MAI GIANG

DỰ THẢO**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 01****V/v: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị**Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/03/2021 và được sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định của pháp luật;
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/03/2021 và được sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định của pháp luật,

Trong năm 2022, về cơ bản Hội đồng quản trị đã thực thi chức năng và nhiệm vụ theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 đã được đại diện Hội đồng quản trị trình bày chi tiết tại Đại hội, nay kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 05 năm 2023

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Nguyễn Bá Sáng

DỰ THẢO**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 02****V/v: Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán và Thành viên
Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán**Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/03/2021 và được sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định của pháp luật;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/03/2021 và được sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định của pháp luật,

Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán và Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán đã được Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán trình bày chi tiết tại Đại hội, kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 05 năm 2023

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Nguyễn Bá Sáng

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 03

V/v: Báo cáo của Ban Điều hành và Kế hoạch kinh doanh năm 2023

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 31/12/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/03/2021 và được sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định của pháp luật;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/03/2021 và được sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định của pháp luật,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

1. Báo cáo hoạt động năm 2022 của Ban Điều hành;
2. Kế hoạch kinh doanh năm 2023 với các chỉ tiêu dưới đây:

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2023
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (tỷ đồng)	3.000
2	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ (tỷ đồng)	100

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định chi tiết việc cơ cấu danh mục tài sản Công ty (bao gồm cả việc liên doanh, liên kết, hợp tác, mua, bán tài sản của Công ty) theo đúng quy định và thực hiện các công việc cần thiết để đạt được kết quả kinh doanh như đề ra.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 05 năm 2023

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Nguyễn Bá Sáng

DỰ THẢO**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 04**

V/v: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 31/12/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/03/2021 và được sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định của pháp luật;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/03/2021 và được sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định của pháp luật,

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 của Công ty đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán. Báo cáo đã được trình bày trước Đại hội và được công bố trên website Công ty, website Sở giao dịch Chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt toàn văn của Báo cáo tài chính riêng năm 2022 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 05 năm 2023

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Nguyễn Bá Sáng

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 05**DỰ THẢO****V/v: Danh sách đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023**Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 31/12/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/03/2021 và được sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định của pháp luật;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/03/2021 và được sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định của pháp luật,

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thông qua nguyên tắc và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty như sau:

1. Nguyên tắc và định hướng lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

- Các công ty kiểm toán có uy tín được phép hoạt động tại Việt Nam, được UBCK Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức, doanh nghiệp có lợi ích công chúng;
- Công ty kiểm toán có đội ngũ kiểm toán viên chuyên môn cao, ưu tiên công ty có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, phát triển bất động sản;
- Không có xung đột lợi ích;
- Có mức phí hợp lý phù hợp với phạm vi kiểm toán được An Gia yêu cầu.

2. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập BCTC 2023:

- (i) Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- (ii) Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam;
- (iii) Công ty TNHH KPMG;
- (iv) Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 05 năm 2023

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Nguyễn Bá Sáng

DỰ THẢO**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 06****V/v: Thù lao Hội đồng Quản trị năm 2023****Căn cứ:**

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 31/12/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/03/2021 và được sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định của pháp luật;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/03/2021 và được sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định của pháp luật,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua thù lao của Hội đồng quản trị năm 2023, cụ thể như sau:

1. Thù lao Hội đồng quản trị năm 2023: 1.647.999.984 đồng (Một tỷ sáu trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm tám mươi bốn đồng);
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phân phối thù lao cho các thành viên theo quy định và ngân sách;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 05 năm 2023

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Nguyễn Bá Sáng

DỰ THẢO**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 07****V/v: Phân phối lợi nhuận****Căn cứ:**

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 31/12/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/03/2021 và được sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định của pháp luật;
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/03/2021 và được sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định của pháp luật,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua:

1. Phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	Số tiền (Việt Nam Đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ năm 2022 chưa phân phối	18.965.726.119
2	Trích lập các Quỹ:	0
2.1	Không trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi*	0
3	Lợi nhuận còn lại sau trích lập Quỹ (1)-(2)	18.965.726.119

* Số dư Quỹ khen thưởng phúc lợi tính đến thời điểm 31/12/2022: 20.000.000.000 đồng.

(Theo BCTC Hợp nhất đã kiểm toán tại ngày 31/12/2022)

2. Giao Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 05 năm 2023

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Nguyễn Bá Sáng

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 08**DỰ THẢO****V/v: Thay đổi địa chỉ trụ sở chính****Căn cứ:**

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 31/12/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia đã được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua ngày 31/03/2021;
- Nhu cầu thực tiễn về tổ chức, hoạt động của Công ty.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thảo luận và thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty như sau:

1. Thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty từ số 30 Nguyễn Thị Diệu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam đến địa chỉ số 60 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Lý do: Công ty thay đổi địa chỉ trụ sở chính do hoàn trả mặt bằng thuê.

2. Giao Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại Hội đồng Cổ đông.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 05 năm 2023

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Nguyễn Bá Sáng

DỰ THẢO**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 09****V/v: Sửa đổi nội dung Điều lệ và ban hành Điều lệ mới****Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia đã được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua ngày 31/03/2021;
- Nhu cầu thực tiễn về tổ chức, hoạt động của Công ty.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thảo luận và thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty như sau:

- Sửa đổi, bổ sung các điều khoản cụ thể của Điều lệ của Công ty (xem Phụ lục 01 đính kèm).
- Thông qua Điều lệ mới của Công ty (bao gồm các điều, khoản đã được sửa đổi, bổ sung). Điều lệ mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua và thay thế cho Điều lệ đã được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua ngày 31/03/2021 cùng với các bản Phụ lục đính kèm Điều lệ (nếu có).

Hội đồng Quản trị kính trình Đại Hội đồng Cổ đông.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 05 năm 2023

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Nguyễn Bá Sáng

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 10**DỰ THẢO****Viv: Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị****Căn cứ:**

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 31/12/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia đã được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua;
- Nhu cầu thực tiễn về tổ chức, hoạt động của Công ty.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thảo luận và thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị của Công ty như sau:

- Sửa đổi, bổ sung các điều khoản cụ thể của Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị (xem Phụ lục 02 đính kèm).
- Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị (bao gồm các điều, khoản đã được sửa đổi, bổ sung). Quy chế mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua và thay thế cho Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị đã được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua ngày 31/03/2021.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại Hội đồng Cổ đông.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 05 năm 2023

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Nguyễn Bá Sáng

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 11**DỰ THẢO****V/v: Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty****Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia đã được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua;
- Nhu cầu thực tiễn về tổ chức, hoạt động của Công ty.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thảo luận và thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty như sau:

- Sửa đổi, bổ sung các điều khoản cụ thể của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (xem Phụ lục 03 đính kèm).
- Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty (bao gồm các điều, khoản đã được sửa đổi, bổ sung). Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua và thay thế cho Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty đã được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua ngày 31/03/2021.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại Hội đồng Cổ đông.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 05 năm 2023

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Nguyễn Bá Sáng

DỰ THẢO**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 12****V/v: Mua lại cổ phiếu và phương án mua lại****Căn cứ:**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật chứng khoán và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán của Bộ Tài chính;
- Căn cứ Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia kính trình Đại hội đồng cổ đông thảo luận và phê duyệt việc mua lại cổ phiếu và phương án mua lại để giảm vốn điều lệ của Công ty với các nội dung chính như sau:

1. Tên cổ phiếu đăng ký mua: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia
2. Loại cổ phiếu: Cổ phần phổ thông
3. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
4. Mã chứng khoán: AGG
5. Tổng số lượng cổ phiếu quỹ hiện có: 0 cổ phiếu
6. Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký mua lại: 15.500.000 cổ phiếu
7. Mục đích mua lại: Mua lại cổ phiếu để giảm vốn điều lệ
8. Nguồn vốn thực hiện mua lại: Nguồn vốn thực hiện mua lại được trích theo thứ tự ưu tiên sau:
 - Thặng dư vốn cổ phần: 179.039.188.200 đồng theo BCTC riêng đã kiểm toán tại ngày 31/12/2022;
 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 270.960.811.800 theo BCTC riêng đã kiểm toán tại ngày 31/12/2022.
9. Thời gian dự kiến giao dịch: Sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo mua lại cổ phiếu để giảm vốn điều lệ và Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy định. Thời hạn giao dịch không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện giao dịch.

- 10.** Phương thức giao dịch: Thỏa thuận và/hoặc khớp lệnh
- 11.** Nguyên tắc xác định giá: Giá giao dịch được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Thông tư 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính; Các văn bản pháp luật có liên quan và theo Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.
- 12.** Giá (khoảng giá): Giá đặt mua $\leq$ Giá tham chiếu + (Giá tham chiếu x 50% Biên độ dao động giá cổ phiếu).
- Giá dự kiến/khoảng giá đặt lệnh mua lại cổ phiếu: Giá mua không cao hơn 29.000 đồng/cổ phiếu.
- 13.** Số lượng đặt mua hàng ngày: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Thông tư 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính; các văn bản pháp luật có liên quan và theo quy chế giao dịch chứng khoán hiện hành của Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, cụ thể: Trong mỗi ngày giao dịch, tổng khối lượng đặt mua tối thiểu là 3% và tối đa là 10% khối lượng giao dịch đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (khối lượng đặt mua không bao gồm khối lượng hủy lệnh và quy định này được miễn trừ khi khối lượng mua còn lại ít hơn 3%).
- 14.** Công ty chứng khoán được chỉ định làm đại lý thực hiện giao dịch mua cổ phiếu quỹ:
- Tên Công ty chứng khoán: Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
 - Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
 - Điện thoại: 1900 6446
 - Tài khoản thực hiện giao dịch: 058C993999
- 15.** Thủ tục pháp lý có liên quan sau khi hoàn tất việc mua lại bao gồm:
- Thực hiện các thủ tục, công việc để điều chỉnh đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và điều chỉnh đăng ký niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
 - Thông qua việc điều chỉnh Điều lệ Công ty (mục vốn điều lệ) và thủ tục điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp tại Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh theo báo cáo kết quả mua lại theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- 16.** Việc ủy quyền: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định tất cả vấn đề liên quan đến đợt mua lại cổ phiếu này theo quy định pháp luật, cụ thể:
- Quyết định các nội dung trong phạm vi chủ trương đã được ĐHĐCĐ thông qua, bao gồm: lựa

chọn thời điểm triển khai, giá mua, số lượng mua hàng ngày cụ thể và các vấn đề có liên quan khác nhằm đảm bảo việc mua lại cổ phiếu được thực hiện một cách hợp pháp, đúng quy định, phù hợp với tình hình thực tế và các kế hoạch của Công ty;

- Quyết định và thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến việc mua lại cổ phiếu, bao gồm: Hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung, phê duyệt, ban hành phương án và hồ sơ đăng ký mua lại cổ phiếu theo quy định pháp luật; Thông qua báo cáo kết quả mua lại cổ phiếu với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và thực hiện thủ tục công bố thông tin; Thủ tục thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện các thủ tục, công việc để điều chỉnh đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và điều chỉnh đăng ký niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh;
- Thực hiện điều chỉnh Điều lệ (mục vốn điều lệ) và thủ tục điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp tại Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh theo báo cáo kết quả mua lại theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- Quyết định và thực hiện các vấn đề, thủ tục cần thiết khác có liên quan đến việc mua lại cổ phiếu như nêu trên;
- Quyết định việc thay đổi và/hoặc hủy bỏ phương án mua lại cổ phiếu này trong trường hợp không nhận được chấp thuận từ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị được ủy quyền lại cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc Người đại diện theo pháp luật của Công ty để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên.
- Hội đồng Quản trị kính trình Đại Hội đồng Cổ đông.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 05 năm 2023

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Nguyễn Bá Sáng

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Họ và tên Cổ đông:

Số cổ phần biểu quyết:

Số ĐKSH:

Họ và tên người được ủy quyền (nếu có):

Nội dung	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Nội dung 01: Báo cáo của Hội đồng quản trị	☐	☐	☐
Nội dung 02: Báo cáo của Ủy ban kiểm toán và Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán	☐	☐	☐
Nội dung 03: Báo cáo của Ban Điều hành và kế hoạch kinh doanh năm 2023	☐	☐	☐
Nội dung 04: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	☐	☐	☐
Nội dung 05: Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023	☐	☐	☐
Nội dung 06: Thù lao của Hội đồng quản trị năm 2023	☐	☐	☐
Nội dung 07: Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022	☐	☐	☐
Nội dung 08: Thay đổi trụ sở chính	☐	☐	☐
Nội dung 09: Sửa đổi nội dung Điều Lệ và ban hành Điều Lệ mới	☐	☐	☐
Nội dung 10: Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	☐	☐	☐
Nội dung 11: Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty	☐	☐	☐
Nội dung 12: Mua lại cổ phiếu và phương án mua lại	☐	☐	☐

Hướng dẫn:

- Đại biểu biểu quyết bằng cách đánh dấu “✓” hoặc “X” vào phương án biểu quyết trong Phiếu biểu quyết (Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến).
- Trong trường hợp Đại biểu đã chọn nhưng muốn thay đổi phương án biểu quyết thì Đại biểu khoanh tròn phương án đã chọn ☒ ☐ và đánh dấu “✓” hoặc “X” vào phương án chọn mới (lưu ý: việc thay đổi phương án biểu quyết chỉ được thực hiện một (01) lần, nếu thay đổi từ hai (02) lần trở lên thì nội dung biểu quyết đó được xác định là “Không có ý kiến”.

Ngày 25 tháng 05 năm 2023

CỔ ĐÔNG HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO UY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 01
NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

STT	Điều Khoản	Điều Lệ hiện hành	Điều Lệ điều chỉnh	Căn cứ pháp lý/Lý do
1	Điều 1.4	"Cổ Đông Lớn" là Cổ Đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty	"Cổ Đông lớn" là Cổ Đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng Khoán	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng Khoán
2	Điều 1.20	"Ủy Ban Kiểm Toán" có nghĩa là Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội Đồng Quản Trị như được quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 137 của Luật Doanh Nghiệp và tại Điều Lệ này	"Ủy Ban Kiểm Toán" có nghĩa là Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội Đồng Quản Trị như được quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 137 của Luật Doanh Nghiệp	Điều chỉnh để phù hợp với Điểm b, Khoản 1, Điều 137 của Luật Doanh Nghiệp
3	Điều 3.3	Trụ sở đăng ký của Công Ty là: - Địa chỉ trụ sở chính: 30 Nguyễn Thị Diệu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: 028. 3930 3366 - Fax: 028. 3930 9595 - E-mail: info@angia.com.vn - Website: www.angia.com.vn	Trụ sở đăng ký của Công Ty là: - Địa chỉ trụ sở chính: 60 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: 028. 3930 3366 - E-mail: info@angia.com.vn - Website: www.angia.com.vn	Chuyển trụ sở do hoàn trả mặt bằng thuê
4	Điều 8.2	Cổ Đông của Công Ty được cấp chứng nhận cổ phiếu (hoặc chứng chỉ cổ phiếu, hoặc sổ chứng nhận sở hữu cổ phần, hoặc tên gọi khác có ý nghĩa tương tự) tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công Ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty theo các quy định tại Luật Doanh Nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà Cổ Đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.	Trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công Ty hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công Ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công Ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.	Điều chỉnh để phù hợp Khoản 3 Điều 7 Điều Lệ mẫu quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
5	Điều 8.3	Bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông sở hữu ít nhất một (01) cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một (01) chứng nhận cổ phiếu trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần (trong trường hợp chuyển nhượng) hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời gian khác theo như nội dung phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án		

		phát hành cổ phiếu của Công ty (trong trường hợp phát hành).		
6	Điều 8.6	Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần (bao gồm việc tuân thủ các điều kiện về đăng thông báo chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại, bị tiêu hủy) và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công Ty theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị.	Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì Cổ Đông được Công Ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của Cổ Đông đó. Đề nghị của Cổ Đông phải bao gồm các nội dung sau đây: a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. Cổ Đông được cấp lại cổ phiếu thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công Ty theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị.	Điều chỉnh để phù hợp Khoản 4 Điều 7 Điều Lệ mẫu quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
7	Điều 9.3	Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày Công Ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu, Cổ Đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho Cổ Đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là Cổ Đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Trường hợp này, Cổ Đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó. (Do đã quá 03 (ba) năm kể từ Ngày Thành Lập, tất cả các hạn chế đối với cổ phần phổ thông do các Cổ Đông sáng lập nắm giữ đều được bãi bỏ).	Xóa bỏ điều khoản này	Điều chỉnh để phù hợp với Điều 120 Luật Doanh Nghiệp

8	Điều 9.4	Người lao động của Công Ty sở hữu cổ phần theo các Chương trình Phát hành Cổ phần ưu đãi cho người lao động (ESOP) được quyền để thừa kế và được hưởng các quyền khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này nhưng phải tuân thủ các hạn chế chuyển nhượng của từng đợt phát hành. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước hạn thì phải được Hội Đồng Quản Trị chấp thuận và Công Ty được quyền ưu tiên mua lại theo giá trị thị trường tại thời điểm bán thực hiện theo quy chế phát hành cụ thể của từng lần.	Xóa bỏ điều khoản này	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Khoản 8 Điều 64 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
9	Điều 9.5	Trường hợp Cổ Đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của Cổ Đông đó là Cổ Đông của Công Ty. Trong trường hợp Cổ Đông bị chết và có yêu cầu của người liên quan, những người thừa kế của Cổ Đông bị chết phải có một văn bản thỏa thuận để chỉ định người hoặc một số người đại diện cho số cổ phần của Cổ Đông bị chết, trong thỏa thuận phải nêu rõ mỗi người sẽ đại diện cho bao nhiêu cổ phần. Trường hợp cổ phần của Cổ Đông bị chết mà không có người thừa kế hoặc không xác định được người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của Pháp Luật về Dân sự. Khi đó, việc thực hiện quyền liên quan đến số cổ phần của Cổ Đông bị chết sẽ tạm ngừng cho đến khi có phán quyết của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc xác định người hoặc những người có quyền đại diện cho số cổ phần của Cổ Đông bị chết hoặc những người thừa kế đạt được sự thỏa thuận.	Xóa bỏ điều khoản này	Điều chỉnh để phù hợp Điều 9 Điều Lệ mẫu quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
10	Điều 9.6	Cổ Đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công Ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là Cổ Đông của Công Ty.	Xóa bỏ điều khoản này	Điều chỉnh để phù hợp Điều 9 Điều Lệ mẫu quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC

11	Điều 11	Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị Công Ty được tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình quản trị như sau: 11.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông: bao gồm tất cả các Cổ Đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty; 11.2 Hội Đồng Quản Trị: là cơ quan quản lý của Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty không thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông và/hoặc quyết định các công việc khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông giao; 11.3 Ủy Ban Kiểm Toán trực thuộc Hội Đồng Quản Trị: là cơ quan kiểm soát của Công Ty; 11.4 Tổng Giám Đốc: là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty, chịu sự giám sát của Hội Đồng Quản Trị, Ủy Ban Kiểm Toán và chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị về việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao.	Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công Ty bao gồm: 11.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông. 11.2 Hội Đồng Quản Trị, Ủy Ban Kiểm Toán trực thuộc Hội Đồng Quản Trị. 11.3 Tổng Giám Đốc.	Điều chỉnh để phù hợp với Điều 11 Điều Lệ mẫu quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
12	Điều 13.1.a	Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua theo đúng thủ tục quy định và chịu trách nhiệm về các Khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi vốn góp Công Ty	Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua theo đúng thủ tục quy định và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi vốn đã góp Công Ty	Điều chỉnh để phù hợp với Điểm c Khoản 1 Điều 111 Luật Doanh Nghiệp
13	Điều 13.2	Cổ Đông lớn có các nghĩa vụ sau:	Ngoài các nghĩa vụ quy định tại Điều 13.1, Cổ Đông Lớn còn có các nghĩa vụ sau:	Điều chỉnh để làm rõ nghĩa vụ của Cổ Đông phổ thông và Cổ Đông Lớn
14	Điều 14.2	Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công Ty có các Khoản ngoại trừ trọng yếu, Công Ty có thể mời đại diện Công Ty kiểm toán độc lập dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.	Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công Ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công Ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Điều chỉnh để phù hợp quy định tại Khoản 4, Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

			nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên của Công Ty.	
15	Điều 15.2 và Điều 15.3	15.2 Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;b. Báo cáo tài chính hằng năm;c. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và từng thành viên Hội Đồng Quản Trị;d. Mức cổ tức đối với cổ phần của từng loại;e. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.15.3 Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và bất thường thảo luận và thông qua quyết định về các vấn đề sau:a. Thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán; phân phối lợi nhuận; trích lập và sử dụng các quỹ; mức cổ tức năm tài chính; báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và từng thành viên Hội Đồng Quản Trị; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ủy Ban Kiểm Toán. b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh Nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội Đồng Quản Trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến Cổ Đông tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;c. Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị;d. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết;e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội	15.2 Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và bất thường thảo luận và thông qua quyết định về các vấn đề sau:a. Thông qua kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty; báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán; phân phối lợi nhuận; trích lập và sử dụng các quỹ; mức cổ tức năm tài chính; báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và từng thành viên Hội Đồng Quản Trị; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ủy Ban Kiểm Toán. b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh Nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội Đồng Quản Trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến Cổ Đông tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;c. Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị;d. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết;e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội	Điều chỉnh để phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 15 Điều Lệ mẫu quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC và Khoản 4 Điều 293 NB 155/2020/NĐ-CP

Đồng Quản Trị; f. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị; g. Thông qua, bổ sung và sửa đổi Điều Lệ Công Ty, thông qua quy chế về quản trị nội bộ của Công Ty, thông qua quy chế hoạt động Hội Đồng Quản Trị; h. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công Ty; i. Quyết định thay đổi Vốn Điều Lệ của Công Ty, bao gồm cả việc giảm Vốn Điều Lệ; j. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần; k. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công Ty; l. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công Ty và chỉ định người thanh lý; m. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội Đồng Quản Trị gây thiệt hại cho Công Ty và Cổ Đông; n. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công Ty; o. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại; p. Thông qua hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công Ty; q. Chấp thuận các giao dịch quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; r. Phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và trái phiếu kèm chứng quyền cho phép người sở hữu trái phiếu được quyền mua cổ phiếu theo mức định giá và thời gian xác định trước; s. Quyết định số lượng người đại diện theo pháp luật; t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này và các quy chế khác của Công Ty.

Ty, thông qua quy chế về quản trị nội bộ của Công Ty, thông qua quy chế hoạt động Hội Đồng Quản Trị; h. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công Ty; i. Quyết định thay đổi Vốn Điều Lệ của Công Ty, bao gồm cả việc giảm Vốn Điều Lệ; j. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần; k. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công Ty; l. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công Ty và chỉ định người thanh lý; m. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội Đồng Quản Trị gây thiệt hại cho Công Ty và Cổ Đông; n. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công Ty; o. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại; p. Thông qua hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công Ty; q. Chấp thuận các giao dịch quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, trừ các giao dịch được quy định tại Điểm k Khoản 3 Điều 27 của Điều Lệ này; r. Phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và trái phiếu kèm chứng quyền cho phép người sở hữu trái phiếu được quyền mua cổ phiếu theo mức định giá và thời gian xác định trước; s. Quyết định số lượng người đại diện theo pháp luật; t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này và các quy chế khác của Công Ty.

16	Điều 16.1	Các Cổ Đông có quyền tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của Pháp Luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự (“Đại Diện Theo Ủy Quyền”). Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức có quyền cử một hoặc một số Đại Diện Theo Ủy Quyền thực hiện các quyền của mình với tư cách là Cổ Đông của Công Ty theo quy định của Pháp Luật. Trường hợp có nhiều hơn một Đại Diện Theo Ủy Quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết đại diện bởi mỗi Đại Diện Theo Ủy Quyền. Một Đại Diện Theo Ủy Quyền của một Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức có thể biểu quyết khác với một Đại Diện Theo Ủy Quyền khác của cùng một Cổ Đông đối với cùng một vấn đề tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Trong trường hợp không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi Đại Diện Theo Ủy Quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng Đại Diện Theo Ủy Quyền.	Cổ Đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh Nghiệp.	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 144 Luật Doanh Nghiệp
----	------------------	--	---	--

17	Điều 16.2	Các Cổ Đông có quyền tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân tổ chức đại diện tham dự ("Người được ủy quyền dự họp"). Việc ủy quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải lập thành văn bản theo mẫu chung của Công Ty và phải nêu rõ tên Cổ Đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền theo quy định sau đây: a. Trường hợp Cổ Đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của chính Cổ Đông đó và người được ủy quyền dự họp, trường hợp người được ủy quyền dự họp là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Người được ủy quyền dự họp; b. Trường hợp Cổ Đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông đó và người được ủy quyền dự họp, trường hợp người được ủy quyền dự họp là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật; Người được ủy quyền dự họp tại Đại Hội Đồng Cổ Đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của Cổ Đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty).	Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên Cổ Đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của Cổ Đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty).	Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 2 Điều 16 Điều Lệ mẫu quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
18	Điều 18.1	Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 14.2 Điều 14 Điều Lệ này	Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và bất thường. Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 14.3 Điều 14 Điều Lệ này.	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 140 Luật Doanh Nghiệp

19	Điều 18.3	Thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được gửi bằng phương thức bảo đảm cho tất cả các Cổ Đông đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi cổ phiếu của Công Ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch ...	Thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông (bao gồm nhưng không giới hạn: gửi thư bảo đảm hoặc email hoặc fax hoặc các hình thức điện tử khác đến địa chỉ mà Cổ Đông đã đăng ký), đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi cổ phiếu của Công Ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch ...	Mở rộng hình thức gửi thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để phù hợp với các quy định hiện hành
20	Điều 19.1	Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số Cổ Đông dự họp đại diện ít nhất năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết	Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số Cổ Đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết	Điều chỉnh để phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh Nghiệp
21	Điều 20.4.a	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị làm chủ tọa các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông do Hội Đồng Quản Trị triệu tập ...	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội Đồng Quản Trị khác làm chủ tọa các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông do Hội Đồng Quản Trị triệu tập ...	Điều chỉnh để phù hợp với Điểm a Khoản 2 Điều 146 Luật Doanh Nghiệp
22	Điều 21.1	Điều 21. Thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông 21.1 Trừ trường hợp tại Khoản 21.2, Khoản 21.3 Điều này, các quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua khi có từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông hoặc Người được ủy quyền dự họp tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông tán thành.	Điều 21. Thông qua Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông 21.1. Trừ trường hợp tại Khoản 21.2, Khoản 21.3 Điều này, các Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua khi có trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông hoặc Người được ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông tán thành.	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 148 Luật Doanh Nghiệp

23	Điều 21.3	Các quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông liên quan đến các vấn đề dưới đây chỉ được thông qua khi có từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông hoặc Người được uỷ quyền dự họp tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông tán thành hoặc có từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết tán thành đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản: a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b. Thay đổi tên Công Ty; c. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh chính của Công Ty; d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty; e. Tổ chức lại hay giải thể Công Ty; f. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản Công Ty có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty tính theo Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công Ty.	Các Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông liên quan đến các vấn đề dưới đây chỉ được thông qua khi có từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông hoặc Người được uỷ quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông tán thành hoặc có trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết tán thành đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản: a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b. Thay đổi tên Công Ty; c. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh chính của Công Ty; d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty; e. Tổ chức lại hay giải thể Công Ty; f. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản Công Ty có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty tính theo Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công Ty.	Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 5 Điều 7 Luật sửa đổi Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự 2022 có hiệu lực kể từ ngày 01/03/2022 và quy định tại Khoản 4 Điều 148 Luật Doanh Nghiệp
24	Điều 21.4	Các Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết đó không thực hiện đúng như quy định.	Các Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ Công Ty.	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 152 Luật doanh Nghiệp

25	Điều 22	Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ ĐôngThẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định sau đây:22.1 Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua các quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty, trừ việc tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên theo quy định của pháp luật. Việc lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông....22.9 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản phải được số Cổ Đông sở hữu ít nhất năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phiếu biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.	Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ ĐôngTrừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình bằng cách lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản theo hình thức Công Ty trực tiếp thực hiện và/hoặc sử dụng dịch vụ bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định về việc cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam ("VSD")Trình tự, thủ tục lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản theo hình thức sử dụng dịch vụ bỏ phiếu điện tử của VSD sẽ được thực hiện theo đúng quy định của VSD.Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông do Công Ty trực tiếp thực hiện được thực hiện theo quy định sau đây: 22.1 Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua các Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty. Việc lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông....22.9 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản phải được số Cổ Đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phiếu biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.	Bổ sung thêm để phù hợp với Điều 149 Luật Doanh Nghiệp và đa dạng cách thức thực hiện lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản theo quy định hiện hành.
26	Điều 23.4	Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản	Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Điều 150 Luật Doanh Nghiệp

27	Điều 24	Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại Hội Đồng Cổ Đông bằng văn bản, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Khoản 12.3 Điều 12 Điều Lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:	Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại Hội Đồng Cổ Đông, Cổ Đông, nhóm Cổ Đông quy định tại Khoản 12.3 Điều 12 Điều Lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Điều 151 Luật Doanh Nghiệp
28	Điều 25	... Thông tin liên quan đến ứng viên Hội Đồng Quản Trị được công bố bao gồm thông tin tối thiểu sau đây:...g. Các lợi ích có liên quan tới Công Ty (nếu có);	... Thông tin liên quan đến ứng viên Hội Đồng Quản Trị được công bố bao gồm thông tin tối thiểu sau đây: ...g. Các lợi ích có liên quan tới Công Ty và các bên có liên quan của Công Ty (nếu có);	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 274 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
29	Điều 26.1	Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Cơ cấu Hội Đồng Quản Trị của Công Ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công Ty để đảm bảo tính độc lập của Hội Đồng Quản Trị. ...	Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Cơ cấu Hội Đồng Quản Trị của Công Ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công Ty để đảm bảo tính độc lập của Hội Đồng Quản Trị. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị của một Công Ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội Đồng Quản Trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. ...	Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 2 và Khoản 3 Điều 154 Luật Doanh Nghiệp

30	Điều 27.3		<i>Bổ sung thêm:</i> j) Thông qua giao dịch được quy định tại Khoản 3 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán. k) Thông qua các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng, người quản lý khác mà tổ chức đó là các Công Ty Con và các công ty trong cùng tập đoàn được quy định tại ý thứ 2 thuộc Điểm a Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán.	Bổ sung thêm để phù hợp với Điều 293 NĐ 155/2020/NĐ-CP
31	Điều 28.2	Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội Đồng Quản Trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công Ty, Công Ty con, Công Ty liên kết của Công Ty và các Công Ty khác mà thành viên Hội Đồng Quản Trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công Ty. Thù lao của thành viên Hội Đồng Quản Trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty.	Thù lao của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty và phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.	Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 3 Điều 163 Luật Doanh Nghiệp
32	Điều 29.1	... Không trễ hơn ngày 01/8/2020, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc của Công Ty	... Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị không được kiêm Tổng Giám Đốc	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 156 Luật Doanh Nghiệp
33	Điều 30.5	Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công Ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị và được sự nhất trí của Hội Đồng Quản Trị	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là một (01) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 157 Luật Doanh Nghiệp

			Đồng Quản Trị được đăng ký tại Công Ty.	
34	Điều 30.6	Thông báo họp Hội Đồng Quản Trị phải được gửi cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội Đồng Quản Trị đó. Thông báo họp Hội Đồng Quản Trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được đăng ký tại Công Ty.	Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị chấp thuận.	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Khoản 11 Điều 157 Luật Doanh Nghiệp
35	Điều 30.10.d	Chỉ có thành viên Hội Đồng Quản Trị mới có quyền biểu quyết. ...	Xóa bỏ nội dung này	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Khoản 9 và Khoản 11 Điều 157 Luật Doanh Nghiệp

36	Điều 30.13	... Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội Đồng Quản Trị.	... Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh Nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội Đồng Quản Trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định Điều Lệ này và pháp luật có liên quan.	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 7 Luật sửa đổi Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự 2022 có hiệu lực kể từ ngày 01/03/2022
37	Điều 31	Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị 31.1. Hội Đồng Quản Trị thành lập Ủy Ban Kiểm Toán và có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, bao gồm các Tiểu ban: Tiểu ban nhân sự và lương thưởng, Tiểu ban chiến lược... Trong đó, Ủy Ban Kiểm Toán sẽ do Thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập làm trưởng ban. 31.2 Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt việc thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị. Quy chế hoạt động và cơ cấu thành viên do Hội Đồng Quản Trị quyết định. 31.3 Trừ trường hợp Điều Lệ này có quy định khác, thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội Đồng Quản Trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội Đồng Quản Trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội Đồng Quản Trị vào các tiểu ban nêu trên và người đó không được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban. 31.4 Việc thực thi quyết định của tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội Đồng Quản Trị phải phù hợp với các quy	Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị 31.1. Hội Đồng Quản Trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội Đồng Quản Trị quyết định có tối thiểu là hai (02) người, bao gồm thành viên của Hội Đồng Quản Trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội Đồng Quản Trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban. Trường hợp một vấn đề có số biểu quyết ngang nhau thì biểu quyết bên có ý kiến của Trưởng tiểu ban sẽ là ý kiến quyết định. 31.2. Việc thực thi quyết định của Hội Đồng Quản Trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều Lệ Công Ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty.	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều 31 Điều Lệ mẫu quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC

		định pháp luật hiện hành và Điều Lệ Công Ty..		
38	Điều 34	Hệ thống quản lý của Công Ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội Đồng Quản Trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty. Công Ty có một Tổng Giám Đốc do Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc phải được thông qua bằng nghị quyết Hội Đồng Quản Trị	Hệ thống quản lý của Công Ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội Đồng Quản Trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty. Công Ty có Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị.	Điều chỉnh để phù hợp tổ chức bộ máy quản lý của Công Ty
39	Điều 36.2	... Tổng Giám Đốc không phải là người bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định có liên quan và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định pháp luật	... Tổng Giám Đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty	Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 3 Điều 35 Điều Lệ mẫu quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC

40	Điều 38.5.b	Được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua với hợp đồng, giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công Ty. Trường hợp này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng phải thông báo Hội Đồng Quản Trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội Đồng Quản Trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản. Trường hợp này, Cổ Đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số Cổ Đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.	Được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua với hợp đồng, giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công Ty. Trường hợp này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo Hội Đồng Quản Trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các Cổ Đông. Hội Đồng Quản Trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản. Trường hợp này, Cổ Đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.	Điều chỉnh để phù hợp với Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều 167 Luật Doanh Nghiệp
41	Điều 54.1	Bản Điều Lệ này gồm 19 chương 54 điều và 03 phụ lục được Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty nhất trí thông qua ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều Lệ này. Các phụ lục là một phần không tách rời của Điều lệ này.	54.1 Bản Điều Lệ này gồm 19 chương 54 điều và 03 phụ lục được Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2023 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều Lệ này. Các phụ lục là một phần không tách rời của Điều lệ này	Điều chỉnh sau khi sửa đổi một số ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
42	Điều 54.2	Điều Lệ được lập thành hai (02) bản có giá trị như nhau và được lưu giữ tại Công Ty.	54.2 Điều Lệ được lập thành một (01) bản bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bản tiếng Anh tương ứng làm tài liệu tham khảo. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa Điều Lệ bản tiếng Việt và bản tiếng Anh thì nội dung trong Điều Lệ bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.	Điều chỉnh để phù hợp với Điều 64 Thông tư 116/2020/TT-BTC và thực tế hoạt động của Công Ty
43	Điều 54.3	Điều Lệ này thay thế cho tất cả các điều lệ đã được thông qua trước đó.	Điều Lệ này là duy nhất và chính thức của Công Ty.	Điều chỉnh để phù hợp với Điều 64 Thông tư 116/2020/TT-BTC và thực tế hoạt động của Công Ty

44	Phụ lục	Phụ lục 02 và Phụ lục 03	Điều chỉnh nội dung tại Phụ lục 02 và Phụ lục 03	Điều chỉnh sau khi sửa đổi một số ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
----	----------------	--------------------------	--	--

Ngoài ra, Điều lệ còn được điều chỉnh một số cấu trúc câu, từ ngữ, thuật ngữ sử dụng và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính rõ ràng và thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ (nhưng không làm thay đổi ý nghĩa của nội dung ban đầu).

PHỤ LỤC 02
NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Điều Khoản	Quy chế hiện hành	Quy chế điều chỉnh	Căn cứ pháp lý/Lý do
1	Điều 5.1	Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người	Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người	Điều chỉnh để phù hợp với nội dung sửa đổi tại Điều 26.1 Điều Lệ
2	Điều 5.2	Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế	Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên HĐQT độc lập của Công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục	Điều chỉnh để phù hợp với nội dung sửa đổi tại Điều 26.1 Điều Lệ
3	Điều 6.1	Cơ cấu HĐQT phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của HĐQT. Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải đảm bảo quy định sau: - Có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên HĐQT từ ba (03) đến năm (05) thành viên; - Có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên HĐQT từ sáu (06) đến tám (08) thành viên; - Có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên HĐQT từ chín (09) đến mười một (11) thành viên. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty và/hoặc cư trú tại Việt Nam. Thành viên HĐQT không được đồng thời là thành viên HĐQT của trên năm (05) Công ty khác.	Xóa bỏ điều khoản này	Điều chỉnh để phù hợp với nội dung sửa đổi tại Điều 26.1 Điều Lệ và Khoản 1 Điều 6 mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC

4	Điều 6.3	Thành viên HĐQT độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:- Không phải là người có liên quan với Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được HĐQT bổ nhiệm.- Không phải là thành viên HĐQT, Người điều hành của công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát; không phải là người đã từng làm việc cho công ty con, công ty liên kết, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó.- Không phải là cổ đông nắm giữ ít nhất 01% cổ phiếu hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của Công ty;- Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho Công ty trong hai (02) năm gần nhất;- Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với Công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của Công ty trong hai (02) năm gần nhất;- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;- Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được tái bổ nhiệm.	Thành viên HĐQT độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;- Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT của Công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ	Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 2 Điều 6 mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
---	-----------------	--	---	---

5	Điều 8.1	ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây: a. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh Nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT; b. Có đơn từ chức (gửi đơn bằng văn bản) đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận; c. Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có hành vi vi phạm pháp luật và bị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tạm giam theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự;	ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây: a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp; b. Có đơn từ chức (gửi đơn bằng văn bản) đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận; c. Trường hợp khác quy định tại Điều Lệ	Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 1 Điều 8 mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
6	Điều 8.2	ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây: a. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của HĐQT và HĐQT đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng; b. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT; c. Trường hợp khác quy định tại Điều Lệ.	ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây: a. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; b. Trường hợp khác quy định tại Điều Lệ	Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 2 Điều 8 mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC

7	Điều 9.1	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu số lượng cổ phiếu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông) thỏa mãn khoản 12.4 Điều 12 Điều Lệ sẽ thực hiện ứng cử, đề cử thành viên HĐQT. Việc đề cử người vào HĐQT thực hiện như sau: a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ, đồng thời cung cấp danh sách đầy đủ của nhóm cổ đông đề cử, văn bản thỏa thuận của nhóm cổ đông về việc đề cử thành viên HĐQT. b. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT và các cổ đông khác đề cử. - Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế: - Được các cổ đông giới thiệu và thông qua quy trình đánh giá. - HĐQT đương nhiệm sẽ công bố quy trình giới thiệu ứng viên HĐQT để ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu số lượng cổ phiếu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông) thỏa mãn khoản 12.4 Điều 12 Điều Lệ có quyền đề cử người vào HĐQT. Việc đề cử người vào HĐQT thực hiện như sau: a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ. b. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT và các cổ đông khác đề cử.	Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 1 Điều 9 mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
---	-----------------	---	---	---

8	Điều 9.2	Hồ sơ ứng cử, đề cử phải được gửi đến trụ sở của Công ty và nội dung ứng cử, đề cử thành viên HĐQT phải gồm các thông tin sau: '- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; - Trình độ học vấn; - Trình độ chuyên môn; - Quá trình công tác; - Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác); - Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; - Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty; - Danh sách người có liên quan của ứng viên; - Quan hệ của ứng viên với các đối tác kinh doanh chính của Công ty; - Những thông tin liên quan tới tình hình tài chính của ứng viên và những vấn đề khác có thể có ảnh hưởng tới nhiệm vụ và tính độc lập của ứng viên với tư cách là thành viên HĐQT. Ứng viên HĐQT phải cam kết về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được cung cấp và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT.	Xóa bỏ nội dung này	Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 2 Điều 9 mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
9	Điều 10.1	Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm: ...	Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm: ...	Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 1 Điều 10 mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC

10	Điều 11.2	Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định tại Điều 27 Điều Lệ	Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều Lệ Công ty và ĐHCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm và ngân sách hằng năm của Công ty; b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHCĐ thông qua; c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng và quyết định mức lương của họ. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở tổ chức/doanh nghiệp khác, quyết định các mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người đó. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có); d. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám Đốc và người điều hành khác, kiểm soát việc quản lý điều hành Công ty theo cơ chế được đề cập tại Điều Lệ và Quy chế quản trị Công ty; e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó; f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; h. Xây dựng Quy chế quản trị Công ty và ĐHCĐ thông qua; i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHCĐ, triệu tập họp ĐHCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHCĐ thông qua quyết định; j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức; k. Đề xuất các loại	Điều chỉnh để phù hợp với nội dung sửa đổi tại Điều 27 Điều Lệ và Khoản 2 Điều 11 mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
----	------------------	---	--	--

			cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền để ĐHĐCĐ thông qua. Quyết định việc phát hành trái phiếu, loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, thời điểm phát hành trái phiếu và các nội dung liên quan khác (ngoại trừ phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền) nhưng phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất.m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu trong trường hợp được ĐHĐCĐ ủy quyền;n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên ĐHĐCĐ;o. Báo cáo ĐHĐCĐ việc HĐQT bổ nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng;p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều Lệ Công ty.	
11	Điều 12.1	HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35%) hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công ty với một trong các đối tượng sau: - Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; ...	HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35%) hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công ty với một trong các đối tượng sau: - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; ...	Điều chỉnh để phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty được quy định tại Điều Lệ
12	Điều 12.3		Bổ sung thêm: HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch khác theo quy định tại khoản 27.3 Điều 27 Điều Lệ.	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Điều 27 Điều Lệ

13	Điều 13.1	HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp theo quy định tại Điều 14.3 Điều Lệ.	HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau: a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty; b. HĐQT xét thấy là cần thiết theo yêu cầu của Ủy Ban Kiểm Toán hoặc theo đề nghị của kiểm toán độc lập đối với các vấn đề về báo cáo tài chính; c. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ; d. Số lượng thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều Lệ; e. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 12.3 Điều 12 Điều Lệ. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.	Điều chỉnh để phù hợp với nội dung sửa đổi tại Điều 14.3 Điều Lệ và Khoản 1 Điều 13 mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
14	Điều 13.2	Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều 14.3 (d) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 14.3 (e) Điều Lệ.	Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều Lệ hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm e khoản 13.1 Điều này.	Điều chỉnh để phù hợp nội dung sửa đổi tại khoản 13.1 Quy chế này.
15	Điều 14.1	Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài	Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là hai (02) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài	Điều chỉnh để phù hợp với nội dung sửa đổi tại Điều 31.1 Điều Lệ

16	Điều 15.3	Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây: a. Có đề nghị của thành viên độc lập HĐQT; b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT; d. Theo yêu cầu của kiểm toán độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.	Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây: a. Có đề nghị của thành viên độc lập HĐQT; b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác; c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT; d. Theo yêu cầu của kiểm toán độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty; e. Trường hợp khác theo Điều Lệ quy định.	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Điều 30.3 Điều Lệ
17	Điều 15.6	Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp ...	Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 01 ngày làm việc trước ngày họp ...	Điều chỉnh để phù hợp với nội dung sửa đổi tại Điều 30.5 Điều Lệ
18	Điều 17.2	Báo cáo quy định tại các khoản 17.1 Điều này phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên nếu Điều Lệ không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.	Báo cáo quy định tại các Khoản 17.1 Điều này phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên nếu Điều Lệ không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.	Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 3 Điều 18 mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC

Ngoài ra, Quy chế còn được điều chỉnh một số cấu trúc câu, từ ngữ, thuật ngữ sử dụng và một số dẫn chiếu trong Quy chế để đảm bảo tính rõ ràng và thống nhất về hình thức, nội dung của Quy chế (nhưng không làm thay đổi ý nghĩa của nội dung ban đầu).

PHỤ LỤC 03
NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ

STT	Điều Khoản	Quy chế hiện hành	Quy chế điều chỉnh	Căn cứ pháp lý/Lý do
1	Điều 1.2	Đối tượng áp dụng: Quy Chế này được áp dụng cho các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và những người liên quan.	Đối tượng áp dụng: Quy Chế này được áp dụng cho các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và những người liên quan khác.	Điều chỉnh để phù hợp đối tượng áp dụng của Quy chế
2	Điều 2.2.1	2.2.1. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ: a. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường trong các trường hợp sau: ...	Bổ sung thêm: 2.2.1. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ: 2.2.1.1 Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên: Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. 2.2.1.2 Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường có thể do: Hội đồng quản trị hoặc Cổ đông hay nhóm Cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên triệu tập. a. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau: ...	Điều chỉnh để phù hợp với Điều 140 của Luật Doanh Nghiệp và nội dung sửa đổi tại Điều 14 Điều lệ

3	Điều 2.2.5	Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ: Cổ đông có thể ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp ĐHĐCĐ (sau đây gọi tắt là “Người được ủy quyền dự họp”). Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công Ty đính kèm Thư mời họp. * Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của chính cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp, trường hợp Người được ủy quyền dự họp là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Người được ủy quyền dự họp đó; * Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ Đông đó và người được ủy quyền dự họp, trường hợp người được ủy quyền dự họp là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của người được ủy quyền dự họp; Người được ủy quyền dự họp tại Đại ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. * Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với văn bản ủy quyền cho luật sư.	Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ: Cổ Đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức có thể ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác (“Người Được Ủy Quyền Dự Họp”) tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên Cổ Đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với văn bản ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty). Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của Cổ Đông/người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty). Phạm vi ủy quyền lại phải giống với phạm vi ủy quyền ban đầu của Cổ Đông.	Điều chỉnh để phù hợp với nội dung điều chỉnh tại Điều 16 Điều lệ
---	------------	---	---	--

4	Điều 2.2.6	2.2.6. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ- Cổ đông, Người được ủy quyền dự họp có thể đăng ký tham dự qua thư điện tử, nhưng vẫn phải mang theo và xuất trình Thư mời họp, giấy tờ tùy thân, giấy ủy quyền và các giấy tờ liên quan cần thiết để đăng ký tại Đại Hội.- Cổ Đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký.	2.2.6. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ- Cổ đông, Người được ủy quyền dự họp có thể đăng ký tham dự trước ngày khai mạc bằng nhiều hình thức (miễn việc đăng ký tham dự này được thực hiện trong thời hạn được nêu trong Thông báo mời họp ĐHĐCĐ) cụ thể: qua thư điện tử, đăng ký qua điện thoại, gửi thư qua đường bưu điện. Trong trường hợp đã đăng ký trước, Cổ đông, Người được ủy quyền dự họp vẫn phải mang theo và xuất trình Thư mời họp, giấy tờ tùy thân, giấy ủy quyền và các giấy tờ liên quan cần thiết để đăng ký tại Đại Hội.- Trường hợp Cổ Đông không đăng ký tham dự họp trước ngày khai mạc, Cổ Đông vẫn có thể đăng ký tham dự trực tiếp tại Đại hội.- Trước khi khai mạc cuộc họp, Ban tổ chức phải tiến hành thủ tục đăng ký Cổ Đông đến dự họp. Ban tổ chức đại hội sẽ phân công cho một hoặc một số người để thực hiện kiểm tra tư cách Cổ Đông (“Ban kiểm tra tư cách cổ đông”). Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp đến tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông làm thủ tục đăng ký tại bàn đăng ký trước khi vào tham dự đại hội và ký tên xác nhận vào danh sách cổ đông tham dự đã được soạn sẵn.- Ban kiểm tra tư cách cổ đông sẽ kiểm tra tư cách cổ đông khi Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp làm thủ tục đăng ký tham dự. Căn cứ vào danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông sẽ đối chiếu giấy tờ cá nhân của Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp, kiểm tra thư mời, văn bản ủy quyền (nếu có). Trong trường hợp Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp không đáp ứng yêu cầu về tư cách cổ đông thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối việc tham dự đại hội của Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp đó.- Cổ Đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đến	Điều chỉnh để phù hợp với nội dung tại Điều 146 Luật Doanh Nghiệp
---	-------------------	---	--	--

			sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.	
5	Điều 2.2.11	2.2.11. Điều kiện để nghị quyết được thông qua:	Bổ sung: d. Các Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	Điều chỉnh để phù hợp với nội dung tại khoản 2 Điều 152 Luật Doanh Nghiệp và nội dung sửa đổi tại Điều 21.4 Điều lệ
6	Điều 2.2.14	Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	Điều chỉnh để phù hợp với nội dung tại khoản 3 Điều 150 Luật Doanh Nghiệp và Điều 23.2 Điều lệ

		Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.	Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ.	Điều chỉnh để phù hợp với nội dung tại Điều 132 và Điều 151 Luật Doanh Nghiệp; Điều 23.4 Điều lệ
		Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông, người được ủy quyền đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty	Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, phụ lục danh sách Cổ Đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan gửi kèm thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.	Điều chỉnh để phù hợp với nội dung tại Điều 23.5 Điều lệ
7	Điều 3.5.3	3.5.3. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban kiểm toán: - Ủy ban kiểm toán có ít nhất ba (03) thành viên được HĐQT chỉ định trong số các thành viên HĐQT với nhiệm kỳ trùng với nhiệm kỳ của HĐQT. Trong mọi trường hợp, nhiệm kỳ thành viên kết thúc cùng với kết thúc nhiệm kỳ HĐQT.- Không có quá một (01) thành viên điều hành trong Ủy ban kiểm toán. Các thành viên còn lại là thành viên không điều hành.- Ít nhất có một (1) thành viên có bằng cấp, chứng chỉ hoặc kinh nghiệm liên quan đến tài chính, kế toán hoặc kiểm toán.- Trưởng Ủy ban kiểm toán là thành viên HĐQT độc lập được HĐQT chỉ định.- Tùy theo nhu cầu, theo đề nghị của Trưởng Ủy ban kiểm toán, HĐQT có thể bổ nhiệm thành viên Ủy ban kiểm toán không phải là thành viên HĐQT.- Thư ký Ủy ban kiểm toán cũng là Thư ký Công Ty hoặc là người được HĐQT bổ nhiệm.	3.5.3. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban kiểm toán: - Ủy ban kiểm toán có ít nhất hai (02) thành viên, được HĐQT bổ nhiệm trong số các thành viên HĐQT với nhiệm kỳ trùng với nhiệm kỳ của HĐQT và phải được HĐQT thông qua tại cuộc họp HĐQT. Trong mọi trường hợp, nhiệm kỳ thành viên kết thúc cùng với kết thúc nhiệm kỳ HĐQT.- Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.- Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.- Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty và không thuộc các trường hợp sau:* Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;* Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.- Thư ký Ủy ban kiểm toán cũng là Thư ký Công Ty hoặc là người được HĐQT bổ nhiệm	Điều chỉnh để phù hợp với Điều 161 Luật Doanh nghiệp và quy mô hoạt động của Công ty

8	Điều 3.5.4	Thành viên HĐQT điều hành thuộc Ủy ban kiểm toán (nếu có) không tham gia ý kiến đánh giá hoặc biểu quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực điều hành do chính thành viên đó phụ trách	Bỏ nội dung này	Điều chỉnh để phù hợp với nội dung tại Điều 42 Thông tư 116/2020 và Điều 161 Luật Doanh Nghiệp
		Ủy ban kiểm toán làm việc theo cơ chế biểu quyết theo đa số. Trường hợp một vấn đề có số biểu quyết ngang nhau thì biểu quyết bên có ý kiến của trưởng Ủy ban kiểm toán sẽ là ý kiến quyết định;	Ủy ban kiểm toán làm việc theo cơ chế biểu quyết theo đa số tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản, qua email, thông qua hội nghị trực tuyến hoặc các phương tiện thông tin khác (như điện thoại, tin nhắn, ...). Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trường hợp một vấn đề có số biểu quyết ngang nhau thì biểu quyết bên có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán sẽ là ý kiến quyết định;	Điều chỉnh để phù hợp với nội dung tại Điều 5 Quy chế hoạt động của UBKT
		Các cuộc họp được tổ chức không ít hơn bốn (04) lần mỗi năm và phù hợp với chu kỳ báo cáo tài chính của Công Ty.	Các cuộc họp được tổ chức không ít hơn hai (02) lần mỗi năm và phù hợp với chu kỳ báo cáo tài chính của Công Ty.	Điều chỉnh để phù hợp với nội dung tại Điều 5 Quy chế hoạt động của UBKT
9	Điều 3.6	Tiểu ban chiến lược trực thuộc HĐQT: 3.6.1 HĐQT có thể thành lập Tiểu ban chiến lược để hỗ trợ hoạt động của HĐQT 3.6.2 Cơ cấu của Tiểu ban chiến lược - Tiểu ban chiến lược có ít nhất ba (03) thành viên được HĐQT chỉ định, trong đó sẽ có ít nhất hai (02) thành viên HĐQT. Trưởng Tiểu ban là thành viên HĐQT. - Nhiệm kỳ của thành viên Tiểu ban chiến lược trùng với nhiệm kỳ của HĐQT. Trong mọi trường hợp, nhiệm kỳ thành viên kết thúc cùng với kết thúc nhiệm kỳ HĐQT. 3.6.3 Việc thành lập Tiểu ban chiến lược- Việc thành lập các Tiểu ban chiến lược phải được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. HĐQT sẽ phê duyệt các nội dung về quyền hạn, quy trình và báo cáo của các Tiểu ban.- Thành viên của Tiểu ban chiến lược và Trưởng Tiểu ban chiến lược được HĐQT quyết định dựa trên năng lực, kinh nghiệm của thành viên HĐQT. Thành viên của Tiểu ban chiến lược không phải là thành viên HĐQT được HĐQT quyết định lựa chọn theo đề nghị của Trưởng Tiểu ban chiến lược 3.6.4 Trách nhiệm 3.6.5 Nhiệm vụ.....	Tiểu ban thuộc HĐQT 3.6.1 HĐQT có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. 3.6.2 Cơ cấu của tiểu ban Tiểu ban có ít nhất hai (02) thành viên bao gồm thành viên của Hội Đồng Quản Trị và thành viên bên ngoài.	Điều chỉnh để phù hợp với nội dung sửa đổi tại Điều 31 Điều lệ

10	Điều 3.7	Các tiểu ban khác trực thuộc HĐQT	Bỏ nội dung này	Điều chỉnh để phù hợp với nội dung sửa đổi tại Điều 31 Điều lệ
11	Điều 5.1.7	Các nội dung phê chuẩn giao dịch với người có liên quan hoặc giao dịch trọng yếu, HĐQT phải phản hồi bằng văn bản trong thời hạn bảy (07) ngày.	Các nội dung phê chuẩn giao dịch với người có liên quan hoặc giao dịch trọng yếu, HĐQT phải phản hồi bằng văn bản trong thời hạn mười lăm (15) ngày.	Điều chỉnh để phù hợp với nội dung tại Điều 167 Luật Doanh Nghiệp và Điều 38.5.a Điều lệ

Ngoài ra, Quy chế còn được điều chỉnh một số cấu trúc câu, từ ngữ, thuật ngữ sử dụng và một số dẫn chiếu trong Quy chế để đảm bảo tính rõ ràng và thống nhất về hình thức, nội dung của Quy chế (nhưng không làm thay đổi ý nghĩa của nội dung ban đầu).



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số.:/2023/NQ-AGI

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN AN GIA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia;
- Căn cứ Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia ngày/...../2023;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia ngày/...../2023;

Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên 2023 (“**ĐHĐCĐ**”) của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia (“**Công ty**”) đã thông qua nghị quyết này với các nội dung như sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua toàn bộ nội dung báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022.

Điều 2: Thông qua toàn bộ nội dung báo cáo của Ủy ban kiểm toán và Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán.

Điều 3: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Điều hành và kế hoạch kinh doanh năm 2023 với các chỉ tiêu dưới đây:

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2023
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (tỷ đồng)	3.000
2	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ (tỷ đồng)	100

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định chi tiết việc cơ cấu danh mục tài sản Công ty (bao gồm cả việc liên doanh, liên kết, hợp tác, mua, bán tài sản của Công ty) theo đúng quy định và thực hiện các công việc cần thiết để đạt được kết quả kinh doanh như đề ra.

Điều 4: Thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Điều 5: Thông qua danh sách Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 dự kiến gồm:

1. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
2. Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam;
3. Công ty TNHH KPMG;
4. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn một trong các công ty kiểm toán độc lập nêu trên để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

Điều 6: Thông qua thù lao của Hội đồng quản trị năm 2023 là 1.647.999.984 đồng (*Một tỷ sáu trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm tám mươi bốn đồng*).

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phân bổ thù lao cho các thành viên theo quy định và ngân sách.

Điều 7: Thông qua việc phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2022 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	Số tiền (Việt Nam Đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ năm 2022 chưa phân phối	18.965.726.119
2	Trích lập các Quỹ:	0
2.1	Không trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	0
3	Lợi nhuận còn lại sau trích lập Quỹ (1)-(2)	18.965.726.119

(theo BCTC Hợp nhất đã kiểm toán tại ngày 31/12/2022).

Giao Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định.

Điều 8: Thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty như sau:

Thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty từ số 30 Nguyễn Thị Diệu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam đến địa chỉ số 60 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Giao Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 9: Thông qua việc sửa đổi nội dung Điều Lệ và ban hành Điều Lệ mới của Công ty theo nội dung Tờ trình Đại hội đồng cổ đông số 09.

Điều 10: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty theo nội dung Tờ trình Đại hội đồng cổ đông số 10.

Điều 11: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty theo nội dung Tờ trình Đại hội đồng cổ đông số 11.

Điều 12: Thông qua việc mua lại cổ phiếu của Công ty và phương án mua lại theo nội dung Tờ trình Đại hội đồng cổ đông số 12.

Điều 13: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT;
- Ban TGD;
- Cổ đông (để thông báo);
- Lưu: VT,

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN BÁ SÁNG

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
BẤT ĐỘNG SẢN AN GIA

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều Lệ này của **Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia** (“**Công Ty**”) là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công Ty, một Công Ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ, các Nghị quyết, Quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, các Nghị quyết, Quyết định của Hội Đồng Quản Trị và các quyết định khác do Công Ty ban hành sẽ là những quy tắc ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công Ty.

Điều Lệ này được thông qua bởi Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông số/2023/NQ-AGI ngày ... tháng ... năm 2023 (sau đây được gọi là “**Điều Lệ**”) và thay thế cho tất cả các bản Điều Lệ của Công Ty trước đó.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

Trong Điều Lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1 “**Công Ty**” được quy định là trong Điều Lệ này là CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN AN GIA; tên Công Ty bằng Tiếng Anh là AN GIA REAL ESTATE INVESTMENT AND DEVELOPMENT CORPORATION; và được viết tắt là AN GIA.
- 1.2 “**Công Ty Con**” là doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau: (1) Công Ty sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của doanh nghiệp đó; (2) Công Ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp đó, thông qua (i) quyền trực tiếp, gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp đó; hoặc (ii) quyền quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp đó; hoặc (iii) các quyền khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.
- 1.3 “**Cổ Đông**” có nghĩa là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công Ty.
- 1.4 “**Cổ Đông Lớn**” là Cổ Đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng Khoán.
- 1.5 “**Đại Diện Theo Ủy Quyền**” là bất kỳ người nào được Cổ Đông ủy quyền để thực hiện các quyền của Cổ Đông với tư cách là Cổ Đông của Công Ty và nhân danh Cổ Đông đó theo quy định của Pháp Luật.
- 1.6 “**Đại Hội Đồng Cổ Đông**” là đại hội đồng Cổ Đông của Công Ty được nêu tại Điều 14 và 15 của Điều Lệ.

- 1.7 **“Địa Bàn Kinh Doanh”** có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công Ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.
- 1.8 **“Hội Đồng Quản Trị”** là hội đồng quản trị của Công Ty được nêu tại Điều 25, 26 và 27 của Điều Lệ.
- 1.9 **"Luật Doanh Nghiệp"** là Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm.
- 1.10 **"Luật Chứng Khoán"** là Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm.
- 1.11 **“Ngày Thành Lập”** là ngày Công Ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) lần đầu.
- 1.12 **“Người Quản Lý”** là Chủ tịch và thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng.
- 1.13 **“Người Điều Hành Doanh Nghiệp”** là Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng và các chức danh quản lý khác được Tổng Giám Đốc bổ nhiệm theo từng thời điểm
- 1.14 **“Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty”** có nghĩa như được quy định tại Điều 33 Điều Lệ này.
- 1.15 **“Người Có Liên Quan”** có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào thuộc một trong các trường hợp được quy định trong Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp và Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng Khoán.
- 1.16 **“Pháp Luật”** có nghĩa là (1) tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 và được sửa đổi bổ sung theo từng thời điểm; (2) các quy định và quy chế của bất kỳ Sở Giao Dịch Chứng Khoán nào mà tại đó cổ phiếu của Công Ty được niêm yết; (3) quyết định, thông tư, hướng dẫn, quy định hoặc bất kỳ văn bản giải thích nào bởi bất kỳ cơ quan nhà nước có thẩm quyền có liên quan có giá trị pháp lý ràng buộc, được ban hành và công bố để áp dụng đối với Công Ty.
- 1.17 **“Quy Chế Quản Trị Công Ty”** là quy chế nội bộ về quản trị Công Ty được Hội Đồng Quản Trị xây dựng, trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua để quy định về quản trị, điều hành Công Ty phù hợp với quy định của Pháp Luật tại từng thời điểm.

- 1.18 “**Sở Giao Dịch Chứng Khoán**” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
- 1.19 “**Sổ Đăng Ký Cổ Đông**” là sổ đăng ký Cổ Đông của Công Ty được lập và lưu giữ theo quy định của Điều Lệ, Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp và bao gồm cả sổ đăng ký Cổ Đông tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (nếu có).
- 1.20 “**Ủy Ban Kiểm Toán**” có nghĩa là Ủy Ban Kiểm Toán trực thuộc Hội Đồng Quản Trị như được quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 137 của Luật Doanh Nghiệp và tại Điều lệ này.
- 1.21 “**Thời Hạn Hoạt Động**” là thời gian hoạt động của Công Ty được quy định tại Điều 3 Điều Lệ này và có thể được thay đổi bằng một nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 1.22 “**Vốn Điều Lệ**” có nghĩa là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 7 Điều lệ này;
- 1.23 “**Việt Nam**” có nghĩa là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Nguyên tắc giải thích

- 2.1 Trong Điều Lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
- 2.2 Các tiêu đề (chương, điều của Điều Lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều Lệ này.
- 2.3 Bất kỳ từ ngữ hoặc thuật ngữ nào đã được quy định tại Luật Doanh Nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ đề hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều Lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 3. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công Ty

- 3.1 Tên Công Ty:
- ✓ Tên Công Ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN AN GIA**
 - ✓ Công Ty viết bằng tiếng Anh: **AN GIA REAL ESTATE INVESTMENT AND DEVELOPMENT CORPORATION**

- 3.2 Hình thức Công Ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp Luật hiện hành của Việt Nam.
- 3.3 Trụ sở đăng ký của Công Ty là:
- ✓ Địa chỉ trụ sở chính: 60 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
 - ✓ Điện thoại: 028. 3930 3366
 - ✓ E-mail: info@angia.com.vn
 - ✓ Website: www.angia.com.vn
- 3.4 Công Ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại Địa Bàn Kinh Doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công Ty phù hợp với quyết định của Hội Đồng Quản Trị và trong phạm vi Pháp Luật cho phép.
- 3.5 Thời hạn hoạt động của Công Ty bắt đầu từ ngày thành lập và vô thời hạn, ngoại trừ Pháp Luật có quy định khác hoặc Công Ty thay đổi thời hạn hoạt động bằng một nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 4. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty

Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị là người đại diện theo pháp luật của Công Ty. Người đại diện theo pháp luật có quyền đại diện cho Công Ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của Công Ty, đại diện cho Công Ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 5. Ngành nghề kinh doanh, triết lý và mục tiêu hoạt động

- 5.1 Ngành, nghề kinh doanh của Công Ty như sau:

Lĩnh vực hoạt động chính của Công Ty là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (6810). Ngoài ngành nghề kinh doanh chính, Công Ty có thể đăng ký thêm các ngành nghề khác theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Tại thời điểm Điều Lệ này được thông qua, ngành nghề kinh doanh của Công ty được quy định trong Phụ lục số 02.

- 5.2 Triết lý và mục tiêu hoạt động của Công Ty là sử dụng hiệu quả, có trách nhiệm các nguồn lực phục vụ hoạt động kinh doanh, đem lại những sản phẩm bất động sản chất lượng cao và trải nghiệm sống tốt hơn cho khách hàng; kiến tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, nâng cao phúc lợi của người lao động; tăng trưởng lợi ích Cổ Đông, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm với Nhà nước và cộng đồng.

Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

- 6.1 Công Ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công Ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều Lệ này, phù hợp với quy định của Pháp Luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công Ty.
- 6.2 Công Ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được Pháp Luật cho phép và được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 7. Vốn Điều Lệ, cổ phần, Cổ Đông sáng lập

- 7.1 Vốn Điều Lệ của Công Ty được quy định tại Phụ lục 03 đính kèm Điều lệ.
- 7.2 Công Ty có thể thay đổi Vốn Điều Lệ khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua và phù hợp với các quy định của Pháp Luật.
- 7.3 Các cổ phần của Công Ty vào ngày thông qua Điều Lệ này đều là cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là Cổ Đông phổ thông.
- 7.4 Công Ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông và phù hợp với các quy định của Pháp Luật.
- (i) Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là Cổ Đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
 - (ii) Trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Cổ Đông ưu đãi muốn chuyển đổi (một phần hoặc các) cổ phần ưu đãi thành cổ phần phổ thông phải gửi thông báo bằng văn bản đến Công Ty. Công Ty sẽ trình Đại Hội Đồng Cổ Đông để phê duyệt về việc chuyển đổi này.
 - (iii) Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc sau khi Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt việc chuyển đổi, Cổ Đông ưu đãi sẽ chuyển lại cho Công Ty chứng nhận cổ phiếu liên quan đến cổ phần ưu đãi. Sau khi nhận được chứng nhận cổ phiếu từ Cổ Đông ưu đãi, Công Ty sẽ phát hành chứng nhận cổ phiếu mới cho số cổ phần

phổ thông hình thành từ việc chuyển đổi và ghi nhận vào Sổ Đăng Ký Cổ Đông. Không phụ thuộc vào ngày mà Cổ Đông liên quan nhận được chứng nhận cổ phiếu đổi với cổ phần phổ thông đó, quyền sở hữu đối với số cổ phần phổ thông được coi như bắt đầu kể từ ngày mà việc chuyển đổi được ghi nhận tại Sổ Đăng Ký Cổ Đông.

(iv) Cổ phần phổ thông hình thành từ việc chuyển đổi từ cổ phần ưu đãi sẽ được xếp ngang bằng với các cổ phần phổ thông đã được phát hành và mua trước đó.

7.5 Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Các quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều Lệ này.

7.6 Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về Cổ Đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh Nghiệp được nêu tại Phụ Lục số 01 đính kèm. Phụ Lục số 01 là một phần của Điều Lệ này.

7.7 Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ Đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công Ty, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định khác. Công Ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý theo quy định của Pháp Luật. Số cổ phần Cổ Đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội Đồng Quản Trị của Công Ty quyết định. Hội Đồng Quản Trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội Đồng Quản Trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ Đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao Dịch Chứng Khoán hoặc các trường hợp khác theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

7.8 Công Ty có thể mua cổ phần do chính Công Ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều Lệ này và Pháp Luật hiện hành.

7.9 Công Ty có quyền phát hành trái phiếu có tài sản bảo đảm và/hoặc trái phiếu không có tài sản bảo đảm, trái phiếu chuyển đổi (trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần theo các điều kiện được quy định trước), chứng quyền (được phát hành cùng với trái phiếu cho phép người nắm giữ chứng nhận trái phiếu được mua một số lượng cổ phần với mức giá và thời gian xác định trước) và các loại chứng khoán khác khi phù hợp với quy định của Pháp Luật.

Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác

8.1 Cổ phiếu của cổ phần phổ thông là chứng chỉ do Công Ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu một phần vốn cổ phần của Công Ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh Nghiệp.

Riêng đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi (nếu có) của Công Ty còn có các nội dung khác theo quy định tại Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Doanh Nghiệp.

8.2 Trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công Ty hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công Ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công Ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

8.3 Trường hợp có bất kỳ thay đổi nào về nội dung Sổ Đăng Ký Cổ Đông liên quan đến bất kỳ Cổ Đông nào, thì Cổ Đông đó phải thông báo cho Công Ty và/hoặc Công ty chứng khoán nơi Cổ Đông lưu ký để Công Ty/Công ty chứng khoán tiến hành việc sửa đổi thông tin Cổ Đông trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông.

Công Ty không chịu trách nhiệm đối với trường hợp Công Ty không thể liên lạc và/hoặc không thể gửi thư, tài liệu cho Cổ Đông do địa chỉ của Cổ Đông không có, không chính xác hoặc không đầy đủ cho mục đích liên lạc hoặc gửi thư. Việc không thể liên lạc hoặc gửi thư, gửi tài liệu đó sẽ không ảnh hưởng đến các thủ tục triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, lấy ý kiến Cổ Đông, gửi tài liệu cho Cổ Đông và hiệu lực của các Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua.

8.4 Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong các cổ phần được quy định trong 01 (một) chứng nhận cổ phiếu thì Công Ty sẽ cập nhật số lượng cổ phần chuyển nhượng, số lượng cổ phần còn lại vào chứng nhận cổ phiếu đã cấp cho Cổ Đông (trường hợp chứng nhận cổ phiếu đã hết trang cập nhật thì Công Ty thu hồi chứng nhận cổ phiếu đã cấp và cấp miễn phí 01 (một) chứng nhận cổ phiếu mới). Thời hạn cấp lại chứng nhận cổ phiếu mới sẽ được thực hiện theo Khoản 2 Điều này.

8.5 Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì Cổ Đông được Công Ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của Cổ Đông đó. Đề nghị của Cổ Đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Cổ Đông được cấp lại cổ phiếu thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công Ty theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

8.6 Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công Ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công Ty.

- 8.7 Trong khuôn khổ các quy định của Pháp Luật và thị trường chứng khoán, Công Ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng nhận và cho phép các cổ phần (bất kể là cổ phần có phát hành dưới dạng này hay không), được chuyển nhượng mà không nhất thiết phải có văn bản chuyển nhượng; hoặc tùy từng thời điểm Hội Đồng Quản Trị có thể ban hành các quy định khác thay thế cho các quy định tương ứng trong Điều Lệ này về chứng nhận và chuyển nhượng cổ phần.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

- 9.1 Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều Lệ này và Pháp Luật có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần. Trường hợp Điều Lệ này có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 9.2 Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của Pháp Luật về chứng khoán.
- 9.3 Hội Đồng Quản Trị có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng đối với cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức, hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
- 9.4 Thủ tục đăng ký chuyển nhượng sẽ được Hội Đồng Quản Trị quy định cụ thể tại văn bản riêng hoặc trong phương án phát hành.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

- 10.1 Trường hợp Cổ Đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội Đồng Quản Trị thông báo và có quyền yêu cầu Cổ Đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công Ty.
- 10.2 Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
- 10.3 Hội Đồng Quản Trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong bất kỳ thông báo nêu trên không được thực hiện

hoặc thực hiện không đầy đủ. Việc thu hồi sẽ bao gồm tất cả các cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi.

- 10.4 Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh Nghiệp. Hội Đồng Quản Trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội Đồng Quản Trị thấy là phù hợp nhưng không được thấp hơn những điều kiện chào bán trước đó.
- 10.5 Cổ Đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách Cổ Đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán cho Công Ty tất cả các khoản tiền có liên quan đến cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi phải thanh toán cho Công Ty cộng thêm một mức lãi suất (không quá mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm đó) theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán và Hội Đồng Quản Trị có quyền thực hiện các biện pháp khấu trừ hoặc đề nghị Cơ quan chức năng có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định hoặc có thể miễn, giảm việc thanh toán một phần hay toàn bộ số tiền đó.
- 10.6 Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công Ty bao gồm:

- 11.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 11.2 Hội Đồng Quản Trị, Ủy Ban Kiểm Toán trực thuộc Hội Đồng Quản Trị.
- 11.3 Tổng Giám Đốc.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của Cổ Đông

- 12.1 Cổ Đông là người chủ sở hữu Công Ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ Đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty.
- 12.2 Cổ Đông phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc thông qua Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc hình thức khác do Điều Lệ và pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật hiện hành;
- d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông sở hữu;
- e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; tra cứu và sao chụp Điều Lệ này, biên bản họp Đại hội Đại Hội Đồng Cổ Đông và nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- f. Trường hợp Công Ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công Ty sau khi Công Ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các Cổ Đông nắm giữ các loại cổ phần ưu đãi của Công Ty theo quy định của pháp luật;
- g. Yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh Nghiệp;
- h. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- i. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- j. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- k. Các quyền khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

12.3 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a. Yêu cầu Hội Đồng Quản Trị thực hiện việc triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

- b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
 - c. Yêu cầu Hội Đồng Quản Trị và Ủy Ban Kiểm Toán kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra. Trong trường hợp này, việc kiểm tra do Ban kiểm toán nội bộ trực tiếp thực hiện và báo cáo.
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.
- 12.4 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị. Việc đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị được thực hiện như sau:
- a. Các Cổ Đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các Cổ Đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên hội đồng quản trị, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông làm ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội Đồng Quản Trị và các Cổ Đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của Cổ Đông

13.1 Cổ Đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

- a. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua theo đúng thủ tục quy định và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi vốn đã góp Công Ty;

- b. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công Ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ Đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công Ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
- c. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- d. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị;
- e. Bảo mật các thông tin được Công Ty cung cấp theo quy định tại Điều Lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công Ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
- f. Tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - Gửi phiếu biểu quyết bằng hình thức khác theo quy định trong Điều Lệ và quy chế làm việc tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông đã được Hội Đồng Quản Trị thông qua.
- g. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công Ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - Vi phạm pháp luật;
 - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công Ty.
- h. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

13.2 Ngoài các nghĩa vụ quy định tại Điều 13.1, Cổ Đông Lớn có các nghĩa vụ sau:

- a. Cổ Đông và người có liên quan phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho Công Ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao Dịch Chứng Khoán theo quy định của Pháp Luật trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty;
- b. Cổ Đông Lớn và người có liên quan phải công bố thông tin và báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và Công Ty trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm...);
- c. Cổ Đông Lớn và người có liên quan cần thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Công Ty khi có các thay đổi trong thông tin quan trọng như tên gọi, địa chỉ, giấy đăng ký kinh doanh...;
- d. Các nghĩa vụ công bố thông tin, báo cáo khác theo quy định của Pháp Luật;

Điều 14. Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 14.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công Ty. Đại Hội Cổ Đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại Hội Đồng Cổ Đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc có thể gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
- 14.2 Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công Ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công Ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên của Công Ty.
- 14.3 Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội Đồng Quản Trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.

- b. Hội Đồng Quản Trị xét thấy là cần thiết theo yêu cầu của Ủy Ban Kiểm Toán hoặc theo đề nghị của kiểm toán độc lập đối với các vấn đề về báo cáo tài chính;
- c. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- d. Khi số thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội Đồng Quản Trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều Lệ này;
- e. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại khoản 12.3 Điều 12 Điều Lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các Cổ Đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các Cổ Đông có liên quan; và
- f. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

14.4 Triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường

- a. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị còn lại như quy định tại điểm d khoản 14.3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm e khoản 14.3 Điều này. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông như quy định thì Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và các thành viên Hội Đồng Quản Trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty
- b. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại điểm a khoản 14.4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông có yêu cầu quy định tại điểm e khoản 14.3 Điều này có quyền thay thế Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Trong trường hợp này, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

- c. Người triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông phải tổ chức họp theo đúng trình tự, thủ tục của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.
- d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được Công Ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ Đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền hạn và nghĩa vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông

15.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông gồm tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty. Đại Hội Đồng Cổ Đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công Ty.
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần.
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị.
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công Ty.
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Công Ty.
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội Đồng Quản Trị gây thiệt hại cho Công Ty và Cổ Đông.
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công Ty.
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội Đồng Quản Trị.
- k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội Đồng Quản Trị.
- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

15.2 Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và bất thường thảo luận và thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty; báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán; phân phối lợi nhuận; trích lập và sử dụng các quỹ; mức cổ tức năm tài chính; báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và từng thành viên Hội Đồng Quản Trị; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ủy Ban Kiểm Toán.

- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh Nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội Đồng Quản Trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến Cổ Đông tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- c. Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị;
- d. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị;
- f. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị;
- g. Thông qua, bổ sung và sửa đổi Điều Lệ Công Ty, thông qua quy chế về quản trị nội bộ của Công Ty, thông qua quy chế hoạt động Hội Đồng Quản Trị;
- h. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công Ty;
- i. Quyết định thay đổi Vốn Điều Lệ của Công Ty, bao gồm cả việc giảm Vốn Điều Lệ;
- j. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- k. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công Ty;
- l. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công Ty và chỉ định người thanh lý;
- m. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội Đồng Quản Trị gây thiệt hại cho Công Ty và Cổ Đông;
- n. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công Ty;
- o. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại;
- p. Thông qua hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định khoản 1 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công Ty;
- q. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi

hành một số điều của Luật Chứng Khoán, trừ các giao dịch được quy định tại Điểm k Khoản 3 Điều 27 của Điều Lệ này.

- r. Phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và trái phiếu kèm chứng quyền cho phép người sở hữu trái phiếu được quyền mua cổ phiếu theo mức định giá và thời gian xác định trước;
- s. Quyết định số lượng người đại diện theo pháp luật;
- t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này và các quy chế khác của Công Ty.

15.3 Cổ Đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

- a. Các hợp đồng, giao dịch quy định tại Điểm q Khoản 15.2 Điều này nếu Cổ Đông hoặc người có liên quan tới Cổ Đông đó là một bên của hợp đồng, giao dịch; hoặc
- b. Việc mua lại cổ phần của Cổ Đông đó hoặc của người có liên quan tới Cổ Đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ Đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

15.4 Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 16. Đại Diện Theo Ủy Quyền

16.1 Cổ Đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh Nghiệp.

16.2 Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên Cổ Đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của Cổ Đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty).

16.3 Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ

định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty).

16.4 Trừ trường hợp quy định tại khoản 16.3 Điều này, phiếu biểu quyết của Đại Diện Theo Ủy Quyền trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Tuy nhiên, Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công Ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên chậm nhất là bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

17.1 Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi (nếu có) có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ Đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ Đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ Đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ Đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 Cổ Đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ Đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

17.2 Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều Lệ này.

17.3 Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan

đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công Ty không bị thay đổi khi Công Ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

18.1 Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và bất thường. Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 14.3 Điều 14 Điều Lệ này.

18.2 Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ Đông có quyền tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Chuẩn bị danh sách Cổ Đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d. Dự thảo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông cho tất cả các Cổ Đông có quyền dự họp;
- g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
- h. Thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông (bao gồm nhưng không giới hạn: gửi thư bảo đảm hoặc email hoặc fax hoặc các hình thức điện tử khác đến địa chỉ mà Cổ Đông đã đăng ký), đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi cổ phiếu của Công Ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Thông báo phải được gửi ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư. Chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ Đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ Đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- 18.3 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông theo quy định tại khoản 12.3 Điều 12 Điều Lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công Ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên Cổ Đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ Đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần Cổ Đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- 18.4 Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 18.4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 12.3 Điều 12 Điều Lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 19.1 Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số Cổ Đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.
- 19.2 Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số Cổ Đông dự họp đại diện ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết.
- 19.3 Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến

hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

20.1 Vào ngày tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông, Công Ty phải tiến hành thủ tục đăng ký Cổ Đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ Đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

20.2 Khi tiến hành đăng ký Cổ Đông, Công Ty cấp cho từng Cổ Đông hoặc Người được ủy quyền dự họp một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ Đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông đó. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

Công ty có thể sử dụng các chương trình, phần mềm máy tính, dịch vụ công nghệ thông tin ứng dụng trong việc biểu quyết, thu thẻ biểu quyết của cổ đông để tạo thuận lợi cho cổ đông.

20.3 Cổ Đông hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Cổ Đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

20.4 Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội Đồng Quản Trị khác làm chủ tọa các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông do Hội Đồng Quản Trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo nguyên tắc đa số. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông điều khiển cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

b. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

c. Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

- 20.5 Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- 20.6 Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
- 20.7 Không cần lấy ý kiến Cổ Đông, bất cứ lúc nào, Chủ tọa đại hội có thể hoãn và dời Đại Hội Đồng Cổ Đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng có một trong các trường hợp sau đây: (i) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp; (ii) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các Cổ Đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết; (iii) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc. Đại Hội Đồng Cổ Đông tổ chức lại sẽ không xem xét lại các vấn đề đã được biểu quyết hợp pháp tại đại hội bị hoãn trước đó.

Trường hợp Chủ tọa tạm dừng hoặc hoãn Đại Hội Đồng Cổ Đông trái với quy định tại khoản này, Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng. Cách thức bầu chủ tọa Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo trình tự được quy định tại Khoản 20.4 Điều này.

- 20.8 Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền yêu cầu các Cổ Đông hoặc Người được ủy quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có Cổ Đông hoặc Người được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất Cổ Đông hoặc Người được ủy quyền nêu trên ra khỏi đại hội.
- 20.9 Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
- Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - Tạo điều kiện cho Cổ Đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

20.10 Trong trường hợp cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những Cổ Đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

20.11 Hàng năm, Công Ty tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông ít nhất một (01) lần. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông

21.1 Trừ trường hợp tại khoản 21.2, khoản 21.3 Điều này, các Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua khi có trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông hoặc Người được ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông tán thành.

21.2 Việc bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị phải thực hiện theo hình thức bầu dồn phiếu theo hướng dẫn của Luật Doanh Nghiệp và Quy Chế Quản Trị Công Ty, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội Đồng Quản Trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội Đồng Quản Trị. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội Đồng Quản Trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí tại quy chế bầu cử.

21.3 Các Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông liên quan đến các vấn đề dưới đây chỉ được thông qua khi có từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông hoặc Người được ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông tán thành hoặc có trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết tán thành đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi tên Công Ty;

- c. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh chính của Công Ty;
- d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty;
- e. Tổ chức lại hay giải thể Công Ty;
- f. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản Công Ty có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty tính theo Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công Ty.

21.4 Các Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ Công Ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình bằng cách lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản theo hình thức Công Ty trực tiếp thực hiện và/hoặc sử dụng dịch vụ bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định về việc cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam ("VSD").

Trình tự, thủ tục lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản theo hình thức sử dụng dịch vụ bỏ phiếu điện tử của VSD sẽ được thực hiện theo đúng quy định của VSD.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông do Công Ty trực tiếp thực hiện được thực hiện theo quy định sau đây:

- 22.1 Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua các Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty. Việc lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 22.2 Hội Đồng Quản Trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội Đồng Quản Trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các Cổ Đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 18.3 Điều 18 Điều Lệ này.
- 22.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;

- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của Cổ Đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Công Ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị;

22.4 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là tổ chức.

22.5 Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công Ty theo các hình thức sau:

- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công Ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

22.6 Hội Đồng Quản Trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ủy Ban Kiểm Toán hoặc của Cổ Đông không phải là Người Điều Hành Doanh Nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số Cổ Đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ Đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 22.7 Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ Đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công Ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- 22.8 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
- 22.9 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản phải được số Cổ Đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phiếu biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 23.1 Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số Cổ Đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ Đông, Người được uỷ quyền dự họp với số cổ phần và số phiếu biểu quyết tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ Đông dự họp;

- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

- 23.2 Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 23.3 Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các Cổ Đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
- 23.4 Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 23.5 Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, phụ lục danh sách Cổ Đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan gửi kèm thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 24.1 Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại Hội Đồng Cổ Đông, Cổ Đông, nhóm Cổ Đông quy định tại Khoản 12.3 Điều 12 Điều Lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 21.4 Điều 21 Điều Lệ này.
 - b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều Lệ này.
- 24.2 Trường hợp quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị

25.1 Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội Đồng Quản Trị được đưa vào tài liệu họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trên trang thông tin điện tử của Công Ty để Cổ Đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội Đồng Quản Trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội Đồng Quản Trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội Đồng Quản Trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội Đồng Quản Trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công Ty trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội Đồng Quản Trị của Công Ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công Ty và các bên có liên quan của Công Ty (nếu có);
- h. Họ, tên của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

25.2 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên được đề cử các ứng viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định tại Điều 12.4 Điều Lệ này.

25.3 Trường hợp số lượng ứng viên Hội Đồng Quản Trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công Ty quy định tại Quy Chế Quản Trị Công Ty. Thủ tục Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội Đồng Quản

Trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị

26.1 Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Cơ cấu Hội Đồng Quản Trị của Công Ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công Ty để đảm bảo tính độc lập của Hội Đồng Quản Trị.

Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị của một Công Ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

Trường hợp tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội Đồng Quản Trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Tổng số thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị phải đảm bảo quy định sau:

- a. Có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp Công Ty có số thành viên Hội Đồng Quản Trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên;
- b. Có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội Đồng Quản Trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên;
- c. Có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội Đồng Quản Trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.

Thành viên Hội Đồng Quản Trị không nhất thiết phải là Cổ Đông của Công Ty và/hoặc cư trú tại Việt Nam. Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công Ty không được đồng thời là thành viên Hội Đồng Quản Trị của trên năm (05) Công Ty khác.

26.2 Thành viên Hội Đồng Quản Trị không còn tư cách thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp bị Đại Hội Đồng Cổ Đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo một trong các trường hợp sau:

- a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của Luật Doanh Nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội Đồng Quản Trị;
- b. Có đơn từ chức (gửi đơn bằng văn bản xin từ chức) đến trụ sở chính của Công Ty và được chấp nhận;

- c. Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có hành vi vi phạm pháp luật và bị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tạm giam theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự;
 - d. Không tham dự các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị và Hội Đồng Quản Trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bỏ trống;
 - e. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công Ty với tư cách là ứng viên Hội Đồng Quản Trị;
 - f. Các trường hợp khác ngoài các quy định ở trên mà Đại Hội Đồng Cổ Đông xét thấy cần thiết
- 26.3 Việc bổ nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị

- 27.1 Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công Ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội Đồng Quản Trị. Hội Đồng Quản Trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty không thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 27.2 Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị do luật pháp, Điều Lệ Công Ty và Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định. Cụ thể, Hội Đồng Quản Trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và hàng năm của Công Ty và ngân sách hàng năm của Công Ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng và quyết định mức lương của họ. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở tổ chức/doanh nghiệp khác, quyết định các mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người đó. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
 - d. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám Đốc và người điều hành khác, kiểm soát việc quản lý điều hành Công Ty theo cơ chế được đề cập tại Điều Lệ này và Quy Chế Quản Trị Công Ty;

- e. Giải quyết các khiếu nại của Công Ty đối với Người Điều Hành Doanh Nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công Ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
- f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công Ty, việc thành lập Công Ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công Ty;
- h. Xây dựng Quy Chế Quản Trị Công Ty và trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
- i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến để Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua quyết định;
- j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền để Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua. Quyết định việc phát hành trái phiếu, loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, thời điểm phát hành trái phiếu và các nội dung liên quan khác (ngoại trừ phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền) nhưng phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp gần nhất.
- m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu trong trường hợp được Đại Hội Đồng Cổ Đông ủy quyền;
- n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công Ty lên Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- o. Báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông việc Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng;
- p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

27.3 Những vấn đề sau đây phải được Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn:

- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công Ty;
- b. Thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình và giải thể các Công Ty Con, công ty liên kết của Công Ty;
- c. Thông qua giao dịch mua, bán, vay, cho vay và giao dịch khác (không thuộc giao dịch với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp) có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong

báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công Ty. Giao dịch giữa Công Ty với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp được thực hiện theo quy định tại khoản 38.5 Điều 38 Điều Lệ này.

- d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công Ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công Ty;
 - e. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - f. Việc định giá tài sản góp vào Công Ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công Ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - g. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - h. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công Ty;
 - i. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội Đồng Quản Trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
 - j. Thông qua giao dịch được quy định tại Khoản 3 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán.
 - k. Thông qua các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng, người quản lý khác mà tổ chức đó là các Công Ty Con và các công ty trong cùng tập đoàn được quy định tại ý thứ 2 thuộc Điểm a Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán.
- 27.4 Hội Đồng Quản Trị phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông về kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 28.1 Thành viên Hội Đồng Quản Trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội Đồng Quản Trị. Tổng mức thù lao cho Hội Đồng Quản Trị do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị theo thỏa thuận trong Hội Đồng Quản Trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

- 28.2 Thù lao của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty và phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.
- 28.3 Thành viên Hội Đồng Quản Trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị làm việc tại các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội Đồng Quản Trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội Đồng Quản Trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị.
- 28.4 Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị hoặc các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị.
- 28.5 Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể được Công Ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội Đồng Quản Trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công Ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

- 29.1 Hội Đồng Quản Trị lựa chọn trong số các thành viên Hội Đồng Quản Trị để bầu ra một (01) Chủ tịch. Việc bầu Chủ tịch được thực hiện theo Quy Chế Quản Trị Công Ty. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc của Công Ty.
- 29.2 Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị:
- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;
 - Chịu trách nhiệm chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa Đại Hội Đồng Cổ Đông và các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị;
 - Đảm bảo việc gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công Ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội Đồng Quản Trị cho các Cổ Đông tại Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - Ký các Nghị Quyết/Quyết định của Hội Đồng Quản Trị thay mặt các thành viên Hội Đồng Quản Trị;
 - Theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện quyết định của Hội Đồng Quản Trị;

- f. Kiến nghị lên Hội Đồng Quản Trị về việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám Đốc. Thay mặt Hội Đồng Quản Trị ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám Đốc;
 - g. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có thể tạm đình chỉ những quyết định của Tổng Giám Đốc để hạn chế tổn thất và sau đó phải báo cáo bằng văn bản đến Hội Đồng Quản Trị để có quyết định chính thức về việc đình chỉ hoặc hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ đó trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ đó;
 - h. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.
- 29.3 Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập và Chủ tọa Đại Hội Đồng Cổ Đông và các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị. Trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội Đồng Quản Trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì thành viên Hội Đồng Quản Trị được Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị ủy quyền bằng văn bản sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị. Trong trường hợp không có người được ủy quyền, Hội Đồng Quản Trị có thể bầu một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội Đồng Quản Trị.
- 29.4 Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội Đồng Quản Trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận được đơn từ chức hoặc từ ngày Hội Đồng Quản Trị thông qua quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm.
- 29.5 Khi xét thấy cần thiết, Hội Đồng Quản Trị quyết định bổ nhiệm Thư ký Công Ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội Đồng Quản Trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Hỗ trợ Hội Đồng Quản Trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công Ty;
 - d. Hỗ trợ Công Ty trong xây dựng quan hệ Cổ Đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Cổ Đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị

- 30.1 Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.
- 30.2 Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
- 30.3 Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
- a. Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất năm (05) Người Điều Hành khác;
 - b. Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị;
 - c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội Đồng Quản Trị;
 - d. Theo yêu cầu của kiểm toán độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công Ty.
- Đề nghị quy định tại khoản 30.3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị.
- 30.4 Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 30.3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 30.3 Điều này có quyền tự mình triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.
- 30.5 Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là một (01) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được đăng ký tại Công Ty.

30.6 Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị chấp thuận.

30.7 Cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp.

30.8 Cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội Đồng Quản Trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội Đồng Quản Trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội Đồng Quản Trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội Đồng Quản Trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị tham dự cuộc họp này.

30.9 Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

30.10 Biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc người được ủy quyền có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội Đồng Quản Trị có một (01) phiếu biểu quyết;

- b. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty.

Thành viên Hội Đồng Quản Trị hưởng lợi từ một hợp đồng, giao dịch được quy định tại khoản 38.5 Điều 38 Điều Lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng, giao dịch đó;

- c. Theo quy định tại điểm b khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội Đồng Quản Trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d. Người được mời dự họp khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền thảo luận, góp ý nhưng không được biểu quyết.

30.11 Thành viên Hội Đồng Quản Trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công Ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội Đồng Quản Trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công Ty, thành viên Hội Đồng Quản Trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội Đồng Quản Trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

30.12 Hội Đồng Quản Trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị là phiếu quyết định.

30.13 Biên bản cuộc họp Hội Đồng Quản Trị phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội Đồng Quản Trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh Nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội Đồng Quản Trị.

Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định Điều Lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị

- 31.1 Hội Đồng Quản Trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội Đồng Quản Trị quyết định có tối thiểu là hai (02) người, bao gồm thành viên của Hội Đồng Quản Trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội Đồng Quản Trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban. Trường hợp một vấn đề có số biểu quyết ngang nhau thì biểu quyết bên có ý kiến của Trưởng tiểu ban sẽ là ý kiến quyết định.
- 31.2 Việc thực thi quyết định của Hội Đồng Quản Trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều Lệ Công Ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty.

Điều 32. Quy định liên quan về cơ cấu tổ chức và chức năng của Ủy Ban Kiểm Toán

Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ quyền hạn và hoạt động của Ủy ban Kiểm toán được quy định cụ thể trong Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

Điều 33. Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty

- 33.1 Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công Ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công Ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh Nghiệp và Khoản 5 Điều 29 của Điều lệ này. Nhiệm kỳ của Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty do Hội Đồng Quản Trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.
- 33.2 Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
- a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho Công Ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ này và quyết định của Hội Đồng Quản Trị.
- 33.3 Hội Đồng Quản Trị có thể bãi nhiệm Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty khi cần nhưng không trái với các quy định Pháp Luật hiện hành về lao động. Hội Đồng Quản Trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty tùy từng thời điểm.

33.4 Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội Đồng Quản Trị trong việc tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công Ty và Cổ Đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, Ủy Ban Kiểm Toán và Đại Hội Đồng Cổ Đông theo yêu cầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ủy Ban Kiểm Toán;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội Đồng Quản Trị và Ủy Ban Kiểm Toán;
- g. Giám sát và báo cáo Hội Đồng Quản Trị về hoạt động công bố thông tin của Công Ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công Ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội Đồng Quản Trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty. Công Ty có Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

Điều 35. Người điều hành doanh nghiệp

35.1 Theo đề nghị của Tổng Giám Đốc, Công Ty sẽ tuyển dụng Người Điều Hành Doanh Nghiệp với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công Ty. Người Điều Hành Doanh Nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công Ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

35.2 Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám đốc do Hội Đồng Quản Trị quyết định. Thù lao, tiền

lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với những người điều hành khác do Tổng Giám Đốc quyết định.

- 35.3 Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty và phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám Đốc

- 36.1 Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc người không là thành viên Hội Đồng Quản Trị làm Tổng Giám Đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám Đốc phải được báo cáo tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công Ty.

- 36.2 Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám Đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty.

- 36.3 Tổng Giám Đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thực hiện các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công Ty đã được Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
- b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội Đồng Quản Trị; tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công Ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- c. Kiến nghị với Hội Đồng Quản Trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;
- d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công Ty;
- e. Tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị để quyết định số lượng, tiêu chuẩn của Người Điều Hành Doanh Nghiệp mà Công Ty cần tuyển dụng. Bổ nhiệm, miễn nhiệm và quyết định thù lao, tiền lương và lợi ích khác liên quan đến hợp đồng lao động giữa Công ty và Người Điều Hành Doanh Nghiệp.
- f. Tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

- g. Trong thời gian sớm nhất có thể, trình Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công Ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công Ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội Đồng Quản Trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công Ty;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật, Điều Lệ này, các Quy Chế Quản Trị Công Ty, các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, hợp đồng lao động ký với Công Ty.
- 36.4 Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
- 36.5 Hội Đồng Quản Trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám Đốc khi đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám Đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công Ty.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

- 38.1 Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên các tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh Nghiệp và các quy định Pháp Luật khác.
- 38.2 Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được phép sử dụng hay tiết lộ những thông tin, cơ hội kinh doanh có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

- 38.3 Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị về các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty khác do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị chấp thuận, Công Ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin .
- 38.4 Trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyết định khác, Công Ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp Công Ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, công ty liên kết, tập đoàn kinh tế và phát luật chuyên ngành có quy định khác.
- 38.5 Trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác, Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công Ty với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp sẽ bị vô hiệu trừ khi được thông báo và thông qua tương ứng như sau:
- a. Được Hội Đồng Quản Trị thông qua với hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công Ty. Trường hợp này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội Đồng Quản Trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội Đồng Quản Trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trừ trường hợp Điều Lệ Công Ty quy định một thời hạn khác; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
 - b. Được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua với hợp đồng, giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công Ty. Trường hợp này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo Hội Đồng Quản Trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các Cổ Đông. Hội Đồng Quản Trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản. Trường hợp này, Cổ Đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

- 39.1 Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên các Tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- 39.2 Công Ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên các Tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công Ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công Ty với tư cách thành viên Hội Đồng Quản Trị, Người Điều Hành Doanh Nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công Ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty, trên cơ sở tuân thủ Pháp Luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
- 39.3 Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công Ty, thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên các Tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị, Người Quản Lý khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công Ty được Công Ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
- a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty;
 - b. Tuân thủ Pháp Luật và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
- 39.4 Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Pháp Luật cho phép. Công Ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

- 40.1 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nêu tại Khoản 12.3 Điều 12 của Điều Lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách

Cổ Đông, các biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công Ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của Cổ Đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ Đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

- 40.2 Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ủy Ban Kiểm Toán, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ Đông của Công Ty, danh sách Cổ Đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 40.3 Công Ty phải lưu Điều Lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều Lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị, biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị, các báo cáo của Hội Đồng Quản Trị, các báo cáo của Ủy Ban Kiểm Toán, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của Pháp Luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ Đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
- 40.4 Điều Lệ Công Ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty.

CHƯƠNG XI

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 41. Công nhân viên và công đoàn

- 41.1 Tổng Giám Đốc phải lập kế hoạch để Hội Đồng Quản Trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người Điều Hành Doanh Nghiệp.
- 41.2 Tổng Giám Đốc phải lập kế hoạch để Hội Đồng Quản Trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công Ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều Lệ này, các quy chế của Công Ty và quy định Pháp Luật hiện hành.

CHƯƠNG XII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 42. Phân phối lợi nhuận

- 42.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công Ty.

- 42.2 Công Ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- 42.3 Hội Đồng Quản Trị có thể kiến nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội Đồng Quản Trị là cơ quan thực thi quyết định này.
- 42.4 Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công Ty chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do Cổ Đông cung cấp. Trường hợp Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ Đông cung cấp mà Cổ Đông đó không nhận được tiền, Công Ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công Ty đã chuyển cho Cổ Đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán có thể được tiến hành thông qua Công Ty chứng khoán hoặc Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam.
- 42.5 Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Hội Đồng Quản Trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ Đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ Đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
- 42.6 Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp Luật.

CHƯƠNG XIII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 43. Tài khoản ngân hàng

- 43.1 Công Ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- 43.2 Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công Ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp Luật.
- 43.3 Công Ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công Ty mở tài khoản.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Công Ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một (01) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba mươi một (31) của tháng Mười hai (12). Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ

ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng mười hai (12) ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 45. Chế độ kế toán

- 45.1 Chế độ kế toán Công Ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
- 45.2 Công Ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định Pháp Luật về kế toán và Pháp Luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công Ty.
- 45.3 Công Ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công Ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước Pháp Luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XIV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

- 46.1 Công Ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của Pháp Luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 Điều Lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công Ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán (trong trường hợp Công Ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.
- 46.2 Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công Ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công Ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Nếu Công Ty là Công Ty mẹ thì báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm cả báo cáo tài chính riêng của Công Ty lẫn báo cáo tài chính hợp nhất về tình hình hoạt động của Công Ty và các Công Ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
- 46.3 Công Ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công Ty đã niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh Nghiệp.

- 46.4 Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (trong trường hợp Công Ty đã niêm yết) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty.
- 46.5 Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công Ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 47. Báo cáo thường niên

Công Ty lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của Pháp Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XV

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

- 48.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty cho một (hoặc các) năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội Đồng Quản Trị. Công Ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
- 48.2 Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội Đồng Quản Trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 48.3 Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công Ty.
- 48.4 Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công Ty được phép tham dự các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông mà các Cổ Đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty.

CHƯƠNG XVI

CON DẤU

Điều 49. Con dấu

- 49.1 Hội Đồng Quản Trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công Ty và con dấu được khắc theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty.

- 49.2 Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp Luật hiện hành.

CHƯƠNG XVII

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

50.1 Công Ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công Ty, kể cả sau khi đã gia hạn theo quy định của Pháp Luật (nếu có);
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d. Tòa án có thẩm quyền tuyên bố Công Ty phá sản theo quy định của Pháp Luật;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.

50.2 Việc giải thể Công Ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định, Hội Đồng Quản Trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 51. Thanh lý

51.1 Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công Ty theo quy định của Pháp Luật (nếu có) hoặc sau khi có quyết định giải thể Công Ty, Hội Đồng Quản Trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại Hội Đồng Cổ Đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội Đồng Quản Trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công Ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công Ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công Ty.

51.2 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công Ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công Ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

51.3 Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;

- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công Ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các Cổ Đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XVIII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

52.1 Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công Ty, quyền và nghĩa vụ của các Cổ Đông theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp, các quy định Pháp Luật khác, Điều Lệ Công Ty, các quy định giữa:

- a. Cổ Đông với Công Ty;
- b. Cổ Đông với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc hay Người Quản Lý khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội Đồng Quản Trị hoặc Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội Đồng Quản Trị hay Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

52.2 Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam ("VIAC") hoặc Tòa án có thẩm quyền.

52.3 Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Trọng tài và/hoặc Tòa án được thực hiện theo phán quyết của VIAC và/hoặc Tòa án.

Điều 53. Điều Lệ Công Ty

53.1 Việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ này phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét, quyết định.

- 53.2 Trong trường hợp có những quy định của Pháp Luật có liên quan đến hoạt động của Công Ty chưa được đề cập trong bản Điều Lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều Lệ này thì những quy định của Pháp Luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công Ty.

CHƯƠNG IX

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực

- 54.1 Bản Điều Lệ này gồm 19 chương 54 điều và 03 phụ lục được Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2023 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều Lệ này. Các phụ lục là một phần không tách rời của Điều lệ này.
- 54.2 Điều Lệ được lập thành một (01) bản bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bản tiếng Anh tương ứng làm tài liệu tham khảo và được lưu giữ tại trụ sở Công ty. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa Điều Lệ bản tiếng Việt và bản tiếng Anh thì nội dung trong Điều Lệ bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.
- 54.3 Điều Lệ này là duy nhất và chính thức của Công Ty.
- 54.4 Các bản sao hoặc trích lục Điều Lệ Công Ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN BÁ SÁNG

PHỤ LỤC 01

(Đính kèm Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua ngày/....../2023)

Vào ngày thành lập Công Ty, Các Cổ đông Sáng lập của Công ty gồm:

Stt	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân, đại chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị	Tỷ lệ	Số CMND đối với cá nhân/MSDN đối với Doanh nghiệp/Số quyết định thành lập đối với tổ chức
1	Vũ Bá Hoàng	160/20 Nguyễn Duy Dương, Phường 3, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	Cổ phần phổ thông	3.000.000	30.000.000.000	30	025082453
2	Nguyễn Bá Sáng	178 Lầu 1 Hậu Giang, Phường 6, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh	Cổ phần phổ thông	6.800.000	68.000.000.000	68	023256947
3	Hồ Thị Nguyệt Anh	14/20 Yên Thế, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	2	024001391
Tổng cộng:				10.000.000	100.000.000.000	100	

PHỤ LỤC 02

(Đính kèm Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua ngày .../.../2023)

Vào ngày Điều lệ này được thông qua, các ngành nghề kinh doanh của Công Ty gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (chỉ được thực hiện ngành nghề kinh doanh sau khi có địa điểm đầu tư cụ thể và được cấp thẩm quyền đầu tư theo quy định và trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)	6810 (Chính)
2	Lập trình máy vi tính (CPC: 842)	6201
3	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (CPC: 8421, 841)	6202
4	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (CPC: 849)	6209
5	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (CPC: 843) (Doanh nghiệp không được cung cấp “dịch vụ thông tin trực tuyến và xử lý dữ liệu bao gồm cả xử lý giao dịch (có mã CPC 843**) và dịch vụ truyền dẫn dữ liệu và tin (có mã số CPC 7523**))	6311
6	Xây dựng nhà để ở Chi tiết: Xây dựng nhà các loại (CPC: 512)	4101
7	Xây dựng nhà không để ở Chi tiết: Xây dựng nhà các loại (CPC: 512)	4102

8	Xây dựng công trình đường sắt (CPC: 513)	4211
9	Xây dựng công trình đường bộ (CPC: 513)	4212
10	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Xây dựng công trình công ích (trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)	4221
11	Xây dựng công trình cấp, thoát nước Chi tiết: Xây dựng công trình công ích (CPC: 513)	4222
12	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc Chi tiết: Xây dựng công trình công ích (CPC: 513)	4223
13	Xây dựng công trình công ích khác (CPC: 513)	4229
14	Xây dựng công trình thủy Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (CPC: 513)	4291
15	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (CPC: 513)	4293
16	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (CPC: 513)	4299
17	Phá dỡ	4311

	(CPC: 511)	
18	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: trừ dịch vụ nổ mìn	4312
19	Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (CPC: 516)	4321
20	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở và trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hoà không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy - hải sản))	4322
21	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội, ngoại thất (CPC: 517)	4330
22	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (CPC: 512)	4390
23	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản. Dịch vụ quản lý bất động sản. Sàn giao dịch bất động sản (CPC: 822)	6820
24	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính kế toán) (CPC: 865) (Doanh nghiệp không được cung cấp dịch vụ trọng tài hòa giải đối với tranh chấp thương mại giữa các thương nhân, dịch vụ pháp lý, dịch vụ thuế, kiểm toán và kế toán; không được cung cấp dịch vụ tư vấn về quản lý danh mục đầu tư ngắn hạn; không được cung cấp dịch vụ nghiên cứu thị trường và thăm dò ý kiến công chúng hoạt động trong lĩnh vực quảng cáo; không được thực hiện dịch vụ tư	7020

	vấn việc làm, học nghề, chính sách có liên quan đến quan hệ lao động – việc làm, hoạt động vận động hành lang	
25	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Chi tiết: Dịch vụ nghiên cứu thị trường (CPC: 86401)	7320

PHỤ LỤC 03

(Đính kèm Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua ngày .../.../2023)

Vào ngày Điều lệ này được thông qua, Vốn điều lệ của Công Ty là: **1.251.183.680.000 VND** (Bằng chữ: Một nghìn một trăm mười bảy tỷ một trăm ba mươi một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), chia thành 125.118.368 cổ phần, với mệnh giá của mỗi cổ phần là 10.000 đồng (Bằng chữ: Mười nghìn đồng).

Chi tiết các lần tăng vốn của Công ty được thể hiện ở bảng dưới đây:

Stt	Thời điểm	Vốn Điều Lệ (VND)	Ghi chú
1	18/01/2012	100.000.000.000	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, số 0311500196, ngày 18/01/2012
2	18/7/2017	105.263.160.000	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 5, số 0311500196, ngày 18/7/2017
3	11/9/2018	131.579.950.000	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 6, số 0311500196, ngày 11/9/2018
4	26/10/2018	210.000.000.000	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 7, số 0311500196, ngày 26/10/2018
5	28/12/2018	450.000.000.000	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 8, số 0311500196, ngày 28/12/2018
6	21/3/2019	468.200.000.000	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 9, số 0311500196, ngày 21/3/2019
7	29/3/2019	700.000.000.000	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 10, số 0311500196, ngày 29/3/2019

8	26/9/2019	750.000.000.000	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 12, số 0311500196, ngày 26/9/2019
9	02/10/2020	824.925.170.000	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 13, số 0311500196, ngày 02/10/2020
10	24/02/2021	827.505.770.000	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 14, số 0311500196, ngày 24/02/2021
11	07/04/2022	1.117.131.950.000	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 15, số 0311500196, ngày 07/04/2022
12	17/01/2023	1.251.183.680.000	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 16, số 0311500196, ngày 17/01/2023

DỰ THẢO

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
BẤT ĐỘNG SẢN AN GIA (“CÔNG TY”)**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành ("**Luật Doanh nghiệp**");
- Căn cứ Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành ("**Luật Chứng khoán**");
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ("**Điều Lệ**");
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") số ngày ... tháng ... năm 2023;

Hội đồng quản trị ("**HĐQT**") ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia ("**Quy chế**");

Quy chế này bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 1.1.** Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của HĐQT và các thành viên HĐQT nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều Lệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
- 1.2.** Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho HĐQT, các thành viên HĐQT.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT

- 2.1.** HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của Công ty.
- 2.2.** HĐQT giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Chương II

THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT

- 3.1.** Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều Lệ, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
- 3.2.** Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều Lệ và các nghĩa vụ sau:
- a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty.
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.
 - d. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
- 3.3.** Thành viên HĐQT độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT

- 4.1.** Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
- 4.2.** Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều Lệ quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT

- 5.1.** Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người.
- 5.2.** Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên HĐQT độc lập của Công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.
- 5.3.** Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều Lệ có quy định khác.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT

- 6.1.** Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều Lệ có quy định khác;
- Thành viên HĐQT của Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác;
- Ngoài ra thành viên HĐQT cần có những phẩm chất như sau:
 - ✓ Có tư chất lãnh đạo, liêm chính, có trách nhiệm, chín chắn, có đạo đức; nhận được sự tin tưởng của các cổ đông, các thành viên khác trong HĐQT, các cán bộ quản lý, và nhân viên của Công ty;
 - ✓ Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý;
 - ✓ Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để hoạt động một cách có hiệu quả;
 - ✓ Kỹ năng giao tiếp tốt.

6.2. Thành viên HĐQT độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;
- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;
- Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT của Công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ.

6.3. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 6.2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch HĐQT

7.1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.

- 7.2.** Chủ tịch HĐQT không được kiêm Tổng Giám đốc của Công ty.
- 7.3.** Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.
 - b. Chịu trách nhiệm chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa các cuộc họp HĐQT.
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT.
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
 - e. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ.
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.
- 7.4.** Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều Lệ. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.
- 7.5.** Khi xét thấy cần thiết, HĐQT quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ, HĐQT; ghi chép các biên bản họp.
 - b. Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
 - c. Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty.
 - d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.
 - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT

- 8.1.** ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức (gửi đơn bằng văn bản) đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều Lệ.

- 8.2.** ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
- Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Trường hợp khác quy định tại Điều Lệ.
- 8.3.** Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 8.1 và khoản 8.2 Điều này.
- 8.4.** HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
- Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều Lệ. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3).
 - Số lượng thành viên độc lập HĐQT giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp.
 - Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

- 9.1.** Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu số lượng cổ phiếu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông) thỏa mãn khoản 12.4 Điều 12 Điều Lệ có quyền đề cử người vào HĐQT. Việc đề cử người vào HĐQT thực hiện như sau:
- Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ.
 - Căn cứ số lượng thành viên HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT và các cổ đông khác đề cử.
- 9.2.** Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo tổ chức đề cử theo quy định tại Điều Lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.
- 9.3.** Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều Lệ. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu

lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều Lệ.

- 9.4.** Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

- 10.1.** Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

- ✓ Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- ✓ Trình độ chuyên môn;
- ✓ Quá trình công tác;
- ✓ Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
- ✓ Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- ✓ Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều Lệ;

- 10.2.** Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

- 11.1.** HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- 11.2.** Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều Lệ Công ty và ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm và ngân sách hàng năm của Công ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng và quyết định mức lương của họ. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở tổ chức/doanh nghiệp khác, quyết định các mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi

ích khác của những người đó. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

- d. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám Đốc và người điều hành khác, kiểm soát việc quản lý điều hành Công ty theo cơ chế được đề cập tại Điều Lệ và Quy chế quản trị Công ty;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - h. Xây dựng Quy chế quản trị Công ty và ĐHĐCĐ thông qua;
 - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền để ĐHĐCĐ thông qua. Quyết định việc phát hành trái phiếu, loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, thời điểm phát hành trái phiếu và các nội dung liên quan khác (ngoại trừ phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền) nhưng phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất.
 - m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu trong trường hợp được ĐHĐCĐ ủy quyền;
 - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên ĐHĐCĐ;
 - o. Báo cáo ĐHĐCĐ việc HĐQT bổ nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều Lệ Công ty.
- 11.3.** HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều Lệ quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.
- 11.4.** Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều Lệ gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

12.1. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35%) hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công ty với một trong các đối tượng sau:

- ✓ Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- ✓ Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên mười (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- ✓ Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

12.2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều Lệ quy định một thời hạn khác; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

12.3. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch khác theo quy định tại khoản 27.3 Điều 27 Điều Lệ.

Điều 13. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

13.1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

- a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty;
- b. HĐQT xét thấy là cần thiết theo yêu cầu của Ủy Ban Kiểm Toán hoặc theo đề nghị của kiểm toán độc lập đối với các vấn đề về báo cáo tài chính;
- c. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- d. Số lượng thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều Lệ;
- e. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 12.3 Điều 12 Điều Lệ. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.

13.2. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều Lệ hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm e khoản 13.1 Điều này.

13.3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

- ✓ Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- ✓ Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- ✓ Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- ✓ Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- ✓ Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT;
- ✓ Xác định thời gian và địa điểm họp;
- ✓ Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;
- ✓ Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc HĐQT

- 14.1.** HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là hai (02) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
- 14.2.** Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều Lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HĐQT

Điều 15. Cuộc họp HĐQT

- 15.1.** Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
- 15.2.** HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.
- 15.3.** Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của thành viên độc lập HĐQT;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;
 - d. Theo yêu cầu của kiểm toán độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty;
 - e. Trường hợp khác theo Điều Lệ quy định.
- 15.4.** Đề nghị quy định tại khoản 15.3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- 15.5.** Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 15.3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.
- 15.6.** Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 01 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều Lệ quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.
- 15.7.** Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.
- 15.8.** Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 15.10 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều Lệ.
- 15.9.** Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

- 15.10.** Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
- 15.11.** Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

Điều 16. Biên bản họp HĐQT

- 16.1.** Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 16.2 Điều này.
- 16.2.** Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 16.1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
- 16.3.** Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.
- 16.4.** Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 16.5.** Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

17.1. Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ủy ban kiểm toán.

17.2. Báo cáo quy định tại các Khoản 17.1 Điều này phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên nếu Điều Lệ không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT

18.1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

18.2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.

18.3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

18.4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

18.5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.

18.6. Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều Lệ.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều Lệ không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

- 19.1.** Thành viên HĐQT của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
- a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
- 19.2.** Việc kê khai quy định tại khoản 19.1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- 19.3.** Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HĐQT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT

- 20.1.** Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- 20.2.** Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều Lệ và Quy chế này.
- 20.3.** Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán

- 22.1.** Mối quan hệ giữa HĐQT và Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

- 22.2.** Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ủy ban kiểm toán, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng.....năm 2023.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN BÁ SÁNG

DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
BẤT ĐỘNG SẢN AN GIA (“CÔNG TY”)**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành ("**Luật Doanh Nghiệp**");
- Căn cứ Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành ("**Luật Chứng Khoán**");
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ("**Điều Lệ**"),
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày... tháng... năm 2023.

Hội đồng quản trị ("**HĐQT**") ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia ("**Công Ty**").

Quy chế nội bộ về quản trị công ty ("**Quy Chế**") bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 1.1.** Phạm vi điều chỉnh: Quy Chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**"), HĐQT, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều Lệ và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
- 1.2.** Đối tượng áp dụng: Quy Chế này được áp dụng cho các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và những người liên quan khác.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

- 2.1.** ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty. ĐHĐCĐ có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 15 Điều Lệ.
- 2.2. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ**
 - 2.2.1. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ**
 - 2.2.1.1** Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam.
 - 2.2.1.2** Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường có thể do: Hội đồng quản trị hoặc Cổ đông hay nhóm Cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên triệu tập.

a. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

- (i) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.
- (ii) HĐQT xét thấy là cần thiết theo yêu cầu của Ủy Ban Kiểm Toán hoặc theo đề nghị của kiểm toán độc lập đối với các vấn đề về báo cáo tài chính;
- (iii) Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- (iv) Khi số thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều Lệ;
- (v) cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 12.3 Điều 12 Điều Lệ yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- (vi) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ.

HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm (iv) hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm (ii) và điểm (v) khoản 2.2.1.2.(a) Điều này.

b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm (v) khoản 2.2.1(a) Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 12.3 Điều 12 Điều Lệ có quyền đại diện Công Ty triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.

2.2.2. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

- Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của Công Ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ.
- Danh sách cổ đông có quyền dự ĐHĐCĐ phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

2.2.3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp

- Công Ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi ngày (20) trước ngày đăng ký cuối cùng trên website của Công ty, hệ thống công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán.

2.2.4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ

- Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ (thư mời họp ĐHĐCĐ) phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền tham dự họp chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
- Thư mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty.
- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, phiếu biểu quyết được gửi cho các cổ đông kèm Thư mời họp hoặc đăng trên website của Công Ty (với điều kiện trong Thư mời họp phải ghi rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận).
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông, được đề cập tại Khoản 12.3 Điều 12 của Điều Lệ có thể kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công Ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.

Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

- Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối kiến nghị nêu trên nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - ✓ Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - ✓ Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 12.3 Điều 12 Điều Lệ;
 - ✓ Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;

2.2.5. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ

Cổ Đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức có thể ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác (“Người Được Ủy Quyền Dự Họp”) tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên Cổ Đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với văn bản ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty).

Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của Cổ Đông/người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty). Phạm vi ủy quyền lại phải giống với phạm vi ủy quyền ban đầu của Cổ Đông.

2.2.6. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

- Cổ đông, Người được ủy quyền dự họp có thể đăng ký tham dự trước ngày khai mạc bằng nhiều hình thức (miễn việc đăng ký tham dự này được thực hiện trong thời hạn được nêu trong Thông báo mời họp ĐHĐCĐ) cụ thể: qua thư điện tử, đăng ký qua điện thoại, gửi thư qua đường bưu điện. Trong trường hợp đã đăng ký trước, Cổ đông, Người được ủy quyền dự họp vẫn phải mang theo và xuất trình Thư mời họp, giấy tờ tùy thân, giấy ủy quyền và các giấy tờ liên quan cần thiết để đăng ký tại Đại Hội.
- Trường hợp Cổ Đông không đăng ký tham dự họp trước ngày khai mạc, Cổ Đông vẫn có thể đăng ký tham dự trực tiếp tại Đại hội.
- Trước khi khai mạc cuộc họp, Ban tổ chức phải tiến hành thủ tục đăng ký Cổ Đông đến dự họp. Ban tổ chức đại hội sẽ phân công cho một hoặc một số người để thực hiện kiểm tra tư cách Cổ Đông (“Ban kiểm tra tư cách cổ đông”). Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp đến tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông làm thủ tục đăng ký tại bàn đăng ký trước khi vào tham dự đại hội và ký tên xác nhận vào danh sách cổ đông tham dự đã được soạn sẵn.
- Ban kiểm tra tư cách cổ đông sẽ kiểm tra tư cách cổ đông khi Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp làm thủ tục đăng ký tham dự. Căn cứ vào danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông sẽ đối chiếu giấy tờ cá nhân của Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp, kiểm tra thư mời, văn bản ủy quyền (nếu có). Trong trường hợp Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp không đáp ứng yêu cầu về tư cách cổ đông thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối việc tham dự đại hội của Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp đó.
- Cổ Đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2.2.7. Điều kiện tiến hành

- Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết.
- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu

biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

2.2.8. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ

ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp.

2.2.9. Cách thức bỏ phiếu

- Trừ khi có quy định khác, khi tiến hành đăng ký tham dự ĐHĐCĐ, Công Ty cấp thẻ biểu quyết cho từng cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết (thẻ biểu quyết có thể bằng giấy hoặc bằng hình thức điện tử khác), trên đó có ghi số đăng ký/mã số, họ và tên của cổ đông, họ và tên Người được ủy quyền dự họp (nếu có) và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
- Nội dung của thẻ biểu quyết tùy thuộc vào nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ. Hình thức và nội dung của thẻ biểu quyết theo quy định tại quy chế làm việc và biểu quyết.
- Khi tiến hành biểu quyết tại Đại Hội, cổ đông thực hiện biểu quyết trên thẻ biểu quyết theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.
- Cổ đông bỏ các thẻ biểu quyết vào thùng phiếu được niêm phong hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức điện tử khác để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu.
- Công Ty sẽ nỗ lực ghi nhận các ý kiến phát biểu, biểu quyết của cổ đông thông qua phương tiện điện tử (nếu có thể) và/hoặc biểu quyết trực tiếp tại Đại Hội. Thẻ biểu quyết điện tử có giá trị tương đương với cách thức biểu quyết trực tiếp tại Đại Hội.
- Đối với các nội dung biểu quyết được Đại Hội quyết định biểu quyết công khai: Ban Tổ chức sẽ phát thẻ biểu quyết riêng cho các nội dung này để các cổ đông/Người được ủy quyền thực hiện biểu quyết công khai theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.
- Các nội dung khác liên quan đến họp trực tuyến sẽ được hướng dẫn cụ thể khi Công Ty áp dụng.

2.2.10. Cách thức kiểm phiếu

- Đại Hội bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Ban kiểm phiếu có thể quyết định bộ phận giúp việc cho mình.
- Đối với trường hợp bỏ phiếu từ xa, Ban kiểm phiếu phải kiểm tra tình trạng niêm phong, tính đầy đủ của hồ sơ gửi kèm. Thẻ biểu quyết từ xa được tổng hợp cùng với các thẻ biểu quyết được phát trực tiếp tại Đại Hội.
- Các tình trạng “đồng ý/tán thành”, “không đồng ý/phản đối”, “không có ý kiến” sẽ được tổng hợp riêng. Tổng kết quả của từng tình trạng sẽ được chia cho tổng số quyền biểu quyết phát ra tại khâu đăng ký để xác định tỷ lệ phần trăm của từng tình trạng.

Công Ty sẽ nỗ lực trong việc áp dụng việc kiểm phiếu bằng phần mềm điện tử, mã vạch nhân dạng để phòng tránh sai sót.

- Ban kiểm phiếu sẽ có nhân sự giám sát quá trình biểu quyết và kết quả kiểm phiếu. Tất cả thành viên Ban kiểm phiếu sẽ ký xác nhận kết quả.

2.2.11. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

- Trừ trường hợp tại khoản 2.2.11 (b) và 2.2.11 (c) Điều này, các quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi có từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông hoặc Người được uỷ quyền dự họp tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ tán thành.
- Việc bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo hình thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên HĐQT. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí tại quy chế bầu cử.
- Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến các vấn đề dưới đây chỉ được thông qua khi có từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông hoặc Người được uỷ quyền dự họp tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ tán thành hoặc có từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết tán thành đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
 - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - Thay đổi tên Công Ty;
 - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh chính của Công Ty;
 - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty;
 - Tổ chức lại hay giải thể Công Ty;
 - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản Công Ty có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty tính theo Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công Ty.
- Các Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2.2.12. Thông báo kết quả kiểm phiếu

- Trưởng Ban kiểm phiếu sẽ đọc kết quả kiểm phiếu sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu.
- Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ làm việc, kể từ thời điểm thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ.

2.2.13. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ

- Trong trường hợp cổ đông phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ thì cổ đông đó phải thực hiện bằng hình thức văn bản, ghi rõ họ tên và mã số dự ĐHĐCĐ và nội dung, lý do về việc phản đối.
- Văn bản phản đối sẽ được chuyển đến thư ký Đại Hội để ghi nhận.
- Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công Ty và/hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều Lệ có quyền yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công Ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công Ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công Ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều Lệ.

2.2.14. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ

- Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản, ghi âm và được lưu giữ dưới các hình thức điện tử khác nhau. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng tiếng Anh với các nội dung chủ yếu sau đây:
 - ✓ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - ✓ Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - ✓ Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - ✓ Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - ✓ Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại Hội về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - ✓ Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu biểu quyết tương ứng;
 - ✓ Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - ✓ Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - ✓ Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
- Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.
- Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

- Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm được thông qua.
- Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, phụ lục danh sách Cổ Đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan gửi kèm thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

2.2.15. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ

Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được ban hành.

2.3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

2.3.1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

Trừ việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.

2.3.2. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

- Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo Điều 22 của Điều Lệ sau khi có nghị quyết của HĐQT.
- Trong trường hợp này, HĐQT sẽ thành lập Ban kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu tối thiểu bao gồm: chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT độc lập và một thành viên Ban Thư ký. Trong đó, Chủ tịch HĐQT là Trưởng Ban kiểm phiếu.
- Việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu phải dưới sự chứng kiến của Ủy Ban Kiểm Toán hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp.

2.4. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

2.4.1. Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ trực tuyến

- Cách thức gửi thông báo triệu tập ĐHĐCĐ trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 2.2.4 Quy Chế này.
- Việc tổ chức họp ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tuyến phải được nêu rõ trong Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ.

2.4.2. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến

- Công Ty cấp cho mỗi cổ đông một (01) tên đăng nhập và mật khẩu sử dụng trên Chương trình trực tuyến để phục vụ cho việc đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến. Cổ đông có trách nhiệm

bảo mật tên đăng nhập và mật khẩu để đảm bảo chỉ người có quyền mới được thực hiện đăng ký, biểu quyết, bầu cử tại Đại hội.

- Cổ đông thực hiện đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến theo cách thức hướng dẫn trong thông báo triệu tập ĐHĐCĐ.

2.4.3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến;

- Cổ đông có thể ủy quyền cho Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ bằng văn bản theo mẫu của Công Ty đính kèm Thư mời họp.
- Người được ủy quyền dự họp phải đăng ký và đăng tải văn bản ủy quyền trên chương trình, phần mềm, dịch vụ công nghệ thông tin ứng dụng ("**Chương trình trực tuyến**") được chỉ định bởi Công Ty trong Thư mời họp và gửi bản chính văn bản ủy quyền về Công Ty theo yêu cầu của Công Ty.

2.4.4. Điều kiện tiến hành và hình thức thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ trực tuyến: thực hiện theo quy định tại Điều 2.2.7 và 2.2.8 Quy Chế này.

2.4.5. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

- Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp thực hiện bỏ phiếu bằng cách lựa chọn một trong các phương án tán thành/không tán thành/không có ý kiến về các vấn đề cần thông qua tại Đại hội trên Chương trình trực tuyến.
- Chi tiết cách thức bỏ phiếu trên Chương trình trực tuyến sẽ được Công Ty hướng dẫn cụ thể trong tài liệu Đại hội.

2.4.6. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

Việc kiểm phiếu biểu quyết được thực hiện tự động trên Chương trình trực tuyến ngay sau khi kết thúc thời gian bỏ phiếu trực tiếp.

2.4.7. Việc thông báo kết quả kiểm phiếu, lập biên bản họp ĐHĐCĐ và công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 2.2.12, 2.2.14, 2.2.15 Quy Chế này.

2.5. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

2.5.1. Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ

- Cách thức gửi thông báo triệu tập ĐHĐCĐ theo hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 2.2.4 Quy Chế này.
- Việc tổ chức họp ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến phải được nêu rõ trong Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ.

2.5.2. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

a. Đối với cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tiếp

- Cổ đông thực hiện đăng ký tham dự Đại hội theo cách thức quy định tại Điều 2.2.6 Quy Chế này.

b. Đối với cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến

Cổ đông thực hiện đăng ký tham dự Đại hội theo cách thức quy định tại Điều 2.4.2 Quy Chế này

2.5.3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ

Việc ủy quyền cho Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ bằng văn bản theo mẫu của Công Ty đính kèm Thư mời họp.

a. Đối với cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tiếp

- Người được ủy quyền dự họp tại ĐHĐCĐ phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

c. Đối với cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến

- Người được ủy quyền dự họp phải đăng ký và đăng tải văn bản ủy quyền Chương trình trực tuyến được chỉ định bởi Công Ty trong Thư mời họp và gửi bản chính văn bản ủy quyền về Công Ty theo yêu cầu của Công Ty.

2.4.8. Điều kiện tiến hành và hình thức thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ trực tiếp kết hợp với trực tuyến: thực hiện theo quy định tại Điều 2.2.7 và 2.2.8 Quy Chế này. Số lượng cổ đông dự họp bao gồm cả cổ đông đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tiếp và trực tuyến.

2.5.4. Cách thức bỏ phiếu

a. Đối với cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tiếp

Cách thức bỏ phiếu đối với cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tiếp được thực hiện theo quy định tại Điều 2.2.9 Quy Chế này.

b. Đối với cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến

Cách thức bỏ phiếu đối với cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tiếp được thực hiện theo quy định tại Điều 2.4.5 Quy Chế này.

2.5.5. Cách thức kiểm phiếu

- Đại Hội bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Ban kiểm phiếu có thể quyết định bộ phận giúp việc cho mình. Ban kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tại Đại hội và phiếu biểu quyết điện tử để tiến hành kiểm phiếu.

a. Đối với cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tiếp

- Ban kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu theo quy định tại Điều 2.2.10 Quy chế này.

b. Đối với cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến

- Kết quả biểu quyết điện tử được thực hiện tự động trên Chương trình trực tuyến ngay sau khi kết thúc thời gian bỏ phiếu trực tiếp.

2.5.6. Thông báo kết quả kiểm phiếu

- Trưởng Ban kiểm phiếu sẽ đọc kết quả kiểm phiếu sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu của cả hai (02) cách thức trực tiếp và trực tuyến.
- Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ làm việc, kể từ thời điểm thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ.

2.5.7. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ và công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ: được thực hiện theo quy định tại Điều 2.2.14, 2.2.15 Quy Chế này.

Điều 3. Hội đồng quản trị

3.1. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo quy định tại Điều 27 Điều Lệ.

3.2. Việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT được quy định cụ thể trong Quy Chế hoạt động của HĐQT và bao gồm các nội dung chính sau đây:

- ✓ Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT;
- ✓ Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT;
- ✓ Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT;
- ✓ Cách thức bầu thành viên HĐQT;
- ✓ Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT;
- ✓ Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT;
- ✓ Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT;
- ✓ Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT.

3.3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT

Thù lao HĐQT được ĐHĐCĐ phê chuẩn hàng năm phù hợp với quy định tại Điều Lệ. HĐQT quy định chi tiết về thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT trong Quy Chế hoạt động của HĐQT.

3.4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT được quy định cụ thể trong Quy Chế hoạt động của HĐQT và bao gồm các nội dung chính sau đây:

- ✓ Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm;
- ✓ Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường;

- ✓ Thông báo họp HĐQT (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định);
- ✓ Điều kiện tổ chức họp HĐQT;
- ✓ Cách thức biểu quyết;
- ✓ Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT;
- ✓ Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT;
- ✓ Lập biên bản họp HĐQT;
- ✓ Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp HĐQT;
- ✓ Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT.

3.5. Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT

3.5.1. Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT (sau đây gọi tắt là Ủy ban kiểm toán) có chức năng hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm giám sát các vấn đề liên quan đến:

- ✓ Báo cáo tài chính;
- ✓ Chức năng kiểm toán nội bộ;
- ✓ Dịch vụ Kiểm toán độc lập;
- ✓ Kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
- ✓ Các vấn đề về tuân thủ.

3.5.2. Quyền hạn:

Căn cứ trên Điều Lệ và quy định pháp luật hiện hành, Ủy ban kiểm toán được quyền thực hiện hoặc yêu cầu thực hiện tất cả các công việc sau:

- Tiến hành kiểm tra và báo cáo giải trình về những vấn đề được HĐQT và/hoặc cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu theo quy định của pháp luật;
- Đề xuất lựa chọn Công Ty Kiểm toán độc lập, mức phí dịch vụ kiểm toán để HĐQT quyết định hoặc trình ĐHĐCĐ theo thẩm quyền;
- Trên cơ sở thống nhất với Tổng Giám đốc, phê chuẩn việc tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ;
- Phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm;
- Tiếp cận không hạn chế các thông tin (tài liệu, số liệu, báo cáo...) và cá nhân liên quan trong phạm vi thực hiện trách nhiệm được giao;

- Tiếp xúc với Ban điều hành để trao đổi hoặc khuyến nghị các vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban;
- Yêu cầu dịch vụ tư vấn bên ngoài hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ được giao.

3.5.3. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban kiểm toán:

- Ủy ban kiểm toán có ít nhất hai (02) thành viên, được HĐQT bổ nhiệm trong số các thành viên HĐQT với nhiệm kỳ trùng với nhiệm kỳ của HĐQT và phải được HĐQT thông qua tại cuộc họp HĐQT. Trong mọi trường hợp, nhiệm kỳ thành viên kết thúc cùng với kết thúc nhiệm kỳ HĐQT.
- Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
- Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.
- Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - ✓ Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - ✓ Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
- Thư ký Ủy ban kiểm toán cũng là Thư ký Công Ty hoặc là người được HĐQT bổ nhiệm.

3.5.4. Cơ chế làm việc:

- Thành viên thuộc Ủy ban kiểm toán có thể được phân công phụ trách một hoặc một số lĩnh vực cụ thể và phải chịu trách nhiệm về công việc được giao. Trưởng Ủy ban kiểm toán phân công công việc cho các thành viên của Ủy ban kiểm toán dựa trên năng lực, kinh nghiệm chuyên môn của mỗi thành viên và kế hoạch hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
- Chủ tịch Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm lập kế hoạch hoạt động quý, năm; tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch.
- Ủy ban kiểm toán làm việc theo cơ chế biểu quyết theo đa số tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản, qua email, thông qua hội nghị trực tuyến hoặc các phương tiện thông tin khác (như điện thoại, tin nhắn, ...). Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trường hợp một vấn đề có số biểu quyết ngang nhau thì biểu quyết bên có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán sẽ là ý kiến quyết định;
- Quy định về các cuộc họp:
 - ✓ Về nguyên tắc, chỉ thành viên Ủy ban kiểm toán mới được tham dự các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán. Tuy nhiên, Ủy ban kiểm toán có thể mời các nhân sự khác tham gia cuộc họp (chẳng hạn như thành viên thuộc Ban điều hành, Trưởng kiểm toán nội bộ hoặc lãnh đạo Kiểm toán độc lập...) nếu thấy cần thiết.
 - ✓ Các cuộc họp được tổ chức không ít hơn hai (02) lần mỗi năm và phù hợp với chu kỳ báo cáo tài chính của Công Ty.

- ✓ Chủ tịch Ủy ban kiểm toán triệu tập cuộc họp hoặc trao đổi riêng với từng thành viên trong Ủy ban kiểm toán để thảo luận về các chủ đề riêng biệt.
- ✓ Tùy theo công việc được phân công, thành viên Ủy ban kiểm toán có thể yêu cầu họp riêng với các thành viên trong ban điều hành. Trong trường hợp này, thành viên Ủy ban kiểm toán đó cần thông báo về kết quả cuộc họp cho Chủ tịch Ủy ban kiểm toán để tổng hợp, theo dõi.
- ✓ Tùy theo nội dung và điều kiện thực tế, các cuộc họp và thảo luận có thể được thực hiện thông qua các tiếp xúc trực tiếp, video conference, conference call hoặc qua email, chat messenger.
- ✓ Thư ký Công Ty hỗ trợ các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán:
 - (i) Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức cuộc họp;
 - (ii) Gửi lịch họp và tài liệu họp cho các thành viên Ủy ban trong thời hạn hợp lý trước mỗi cuộc họp;
 - (iii) Ghi biên bản cuộc họp.
 - (iv) Ra nghị quyết cuộc họp (nếu có).

3.5.5. Trách nhiệm

Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm đối với các lĩnh vực sau đây:

a. Báo cáo tài chính:

- Xem xét báo cáo tài chính quý, bán niên, năm trước khi Tổng giám đốc trình HĐQT, ĐHĐCĐ hoặc công bố thông tin theo quy định của pháp luật; có ý kiến về tính trung thực, minh bạch và tính phù hợp của báo cáo tài chính với Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật hiện hành;
- Xem xét những vấn đề trọng yếu về kế toán và báo cáo tài chính; ảnh hưởng của các quy định pháp luật về kế toán, tài chính đối với báo cáo tài chính Công Ty;
- Thảo luận và xem xét kết quả kiểm toán báo cáo tài chính cùng với giám đốc tài chính, kế toán trưởng và Kiểm toán độc lập;
- Xem xét thư quản lý của Kiểm toán độc lập; có ý kiến với Ban điều hành đối với những phát hiện, khuyến nghị trọng yếu và kế hoạch thực hiện liên quan.
- Theo dõi, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập báo cáo kế toán, báo cáo tài chính.

b. Kiểm toán nội bộ:

- Quản lý và giám sát hoạt động kiểm toán nội bộ được quy định như sau:

Tổng giám đốc quản lý hoạt động kiểm toán nội bộ về mặt hành chính thông qua việc:

- ✓ Quản lý hoạt động hàng ngày của Kiểm toán nội bộ;
 - ✓ Đảm bảo các điều kiện hoạt động của kiểm toán nội bộ;
 - ✓ Hỗ trợ mức cao nhất để Kiểm toán nội bộ thực hiện nhiệm vụ;
 - ✓ Đề xuất cơ cấu bộ máy, nhân sự, ngân sách cho kiểm toán nội bộ;
 - ✓ Đề xuất tuyển dụng, bổ nhiệm, mức lương, thưởng và các chế độ đãi ngộ đối với Trưởng Kiểm toán nội bộ.
- Đánh giá định kỳ hàng năm hiệu quả của tổ chức Kiểm toán độc lập để đệ trình lên ĐHCĐ chỉ định, chỉ định lại hoặc loại bỏ tổ chức kiểm toán;
 - Quyết định mức phí dịch vụ kiểm toán và dịch vụ tư vấn kiểm toán khác (nếu có);
 - Đánh giá, đảm bảo không có xung đột lợi ích giữa dịch vụ kiểm toán và dịch vụ tư vấn kiểm toán khác (nếu có) do đơn vị Kiểm toán độc lập cung cấp;
 - Xem xét kế hoạch kiểm toán do đơn vị Kiểm toán độc lập đề xuất, bao gồm: phạm vi kiểm toán, thời gian kiểm toán, phương pháp & công cụ kiểm toán, đội ngũ kiểm toán; sự phối hợp với kiểm toán nội bộ (nếu có);
 - Định kỳ hoặc đột xuất, Ủy ban kiểm toán và Kiểm toán độc lập tiến hành thảo luận các vấn đề mà Ủy ban hoặc Kiểm toán độc lập thấy cần thiết.
- c. Kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro:
- Giám sát, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro (bao gồm: văn hóa, khuôn khổ, chính sách, quy trình, báo cáo, theo dõi...);
 - Xem xét báo cáo Kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ; đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro (trong đó có các vấn đề liên quan đến báo cáo tài chính và công nghệ thông tin), lưu ý các phát hiện, khuyến nghị của kiểm toán và phản hồi từ Ban điều hành.
 - Định kỳ hoặc đột xuất, Ủy ban kiểm toán và Trưởng Kiểm toán nội bộ tiến hành thảo luận các vấn đề mà Ủy ban thấy cần thiết.
- d. Tuân thủ:
- Theo dõi tính hiệu quả các hoạt động, giải pháp đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp;
 - Thảo luận với CEO và/hoặc thành viên Ban điều hành về các biện pháp phòng chống gian lận, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, vi phạm pháp luật;
 - Xem xét kết quả, báo cáo (định kỳ hoặc đột xuất) về điều tra các vi phạm, gian lận do Ban điều hành tiến hành; theo dõi khắc phục sau kết luận điều tra.
- e. Trách nhiệm báo cáo, trao đổi thông tin:

- Hàng quý, năm, Ủy ban có trách nhiệm báo cáo HĐQT về hoạt động của Ủy ban, các vấn đề trọng tâm cần giải quyết và các đề xuất liên quan;
- Báo cáo giải trình về những vấn đề được HĐQT và / hoặc cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu theo quy định của pháp luật;
- Hàng năm thực hiện báo cáo ĐHCĐ về hoạt động của Ủy ban theo quy định của pháp luật;

Duy trì liên lạc thường xuyên giữa các thành viên trong Ủy ban; giữa Ủy ban với kiểm toán nội bộ, Kiểm toán độc lập và HĐQT;

3.6. Tiểu ban thuộc HĐQT

3.6.1 HĐQT có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.

3.6.2 Cơ cấu của tiểu ban

Tiểu ban có ít nhất hai (02) thành viên bao gồm thành viên của Hội Đồng Quản Trị và thành viên bên ngoài.

3.7. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Việc lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 33 Điều Lệ.

Điều 4. Tổng Giám đốc

4.1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Tổng Giám đốc thực hiện các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 36.3 Điều Lệ.

4.2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

4.2.1. Trình tự, thủ tục:

✓ HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc người không là thành viên HĐQT làm Tổng Giám đốc

✓ Người đề cử đưa ra ý kiến đánh giá bằng văn bản đối với các đề cử (nếu có);

4.2.2. Bổ nhiệm:

✓ HĐQT tổ chức họp để biểu quyết thông qua vị trí Tổng Giám đốc.

✓ Việc bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc sẽ được thể hiện bằng nghị quyết/quyết định của HĐQT.

4.2.3. Ký hợp đồng lao động:

- ✓ Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định.
- ✓ Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT ký kết hợp đồng lao động của Tổng Giám Đốc.

4.2.4. Miễn nhiệm Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- ✓ Do kết thúc thời hạn trong hợp đồng lao động;
- ✓ Nghỉ hưu và không có nhu cầu gia hạn/tái ký hợp đồng;
- ✓ Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- ✓ Các trường hợp khác nếu HĐQT xét thấy cần thiết.

4.2.5. Bãi nhiệm Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- ✓ Không hoàn thành nhiệm vụ và công việc được giao;
- ✓ Vi phạm pháp luật;

4.2.6. Thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm

- ✓ HĐQT sẽ họp để thông qua việc bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc.
- ✓ Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm sẽ được thể hiện bằng nghị quyết/quyết định của HĐQT.

4.2.7. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin.

4.3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định pháp luật, Điều Lệ, Tổng Giám đốc còn phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- ✓ Chiếm được lòng tin của các cổ đông, các cấp quản lý và nhân viên trong Công Ty, có đức tính trung thực, nhiệt tình và có uy tín;
- ✓ Có chuyên môn, bằng cấp và các kỹ năng tổ chức phù hợp, khả năng gắn kết lợi ích của tất cả các bên liên quan và đưa ra các quyết định hợp lý;
- ✓ Có kinh nghiệm kinh doanh, có kiến thức tốt về kinh tế, chính trị, pháp luật và các vấn đề xã hội cũng như kiến thức và xu hướng thị trường, sản phẩm và đối thủ cạnh tranh;
- ✓ Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp áp dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty;

- 4.4. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc sẽ do HĐQT quyết định.

Điều 5. Các hoạt động khác

5.1. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng Giám đốc

- 5.1.1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT và Tổng Giám đốc được thực hiện như triệu tập họp HĐQT theo quy định tại khoản 3.4 Điều 3 Quy Chế này.

Trong trường hợp Tổng Giám đốc là thành viên HĐQT thì nội dung họp giữa HĐQT và Tổng Giám đốc được tích hợp trong chương trình họp HĐQT. Nếu Tổng Giám đốc không phải là thành viên HĐQT, các cuộc họp sẽ được tổ chức riêng, biên bản các cuộc họp sẽ được lập riêng.

- 5.1.2. Trong thời gian hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định, Ban thư ký phải gửi bản sao nghị quyết, quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc để nắm thông tin và triển khai, thực hiện.

- 5.1.3. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:

- ✓ Xung đột quyền, nghĩa vụ giữa HĐQT và Tổng Giám đốc
- ✓ Khủng hoảng mà việc xử lý vượt quá thẩm quyền của Tổng Giám đốc
- ✓ Các giao dịch mà Tổng Giám đốc là một bên liên quan;
- ✓ Các phát sinh trọng yếu trong quá trình thực hiện các nghị quyết/quyết định của HĐQT;
- ✓ Các nội dung vượt thẩm quyền theo ủy quyền của HĐQT đối với Tổng Giám đốc;

- 5.1.4. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

- Báo cáo của Tổng giám đốc với HĐQT là một phần trong chương trình họp HĐQT.
- Nội dung báo cáo bao gồm:
 - ✓ Thành tích chung của Công Ty, đặc biệt trong sự so sánh với đối thủ cạnh tranh;
 - ✓ Việc triển khai kế hoạch kinh doanh, phát triển quỹ đất, xây dựng, pháp lý dự án... của Công Ty;
 - ✓ Các kết quả tài chính của Công Ty;
 - ✓ Sự tuân thủ của Công Ty đối với luật pháp, thủ tục nội bộ, đạo đức kinh doanh...;

- 5.1.5. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT

Tổng Giám đốc sẽ cung cấp thông tin bằng cách thức phù hợp khi:

- ✓ Thành viên HĐQT yêu cầu cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của các đơn vị trong Công Ty theo đúng quy định của pháp luật.
- ✓ Trưởng các Tiểu ban thuộc HĐQT yêu cầu bằng văn bản, thư điện tử đối với các nội dung cần Tổng Giám đốc báo cáo và cung cấp tài liệu. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc sẽ phải báo cáo bằng văn bản.
- ✓ Thành viên HĐQT phối hợp hoạt động giám sát Tổng Giám đốc theo quy chế hoạt động của các Tiểu ban chuyên trách.

Thành viên HĐQT có thể phỏng vấn với các thành viên Ban điều hành để làm rõ các vấn đề.

5.1.6. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc

- Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ hoặc một vụ việc thuộc phạm vi điều chỉnh của chính sách quản lý khủng hoảng (nếu có)... nhưng phải báo cáo bằng văn bản cho HĐQT trong thời gian sớm nhất có thể và chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ.
- Tổng Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến của mình đối với các quyết định của HĐQT nếu nhận định rằng quyết định này trái pháp luật hoặc gây tổn hại đến quyền lợi của cổ đông. Trong trường hợp này, Tổng giám đốc phải có báo cáo giải trình ngay với HĐQT và Ủy ban kiểm toán bằng văn bản.
- Trước khi thực hiện các nhiệm vụ cần phải có sự phê duyệt của HĐQT được quy định tại Điều 27 của Điều Lệ, Tổng Giám đốc gửi tờ trình đến HĐQT trước bảy (7) ngày.
- Các nội dung quy định tại điểm g, h Khoản 36.3 Điều 36 Điều Lệ, Tổng Giám đốc phải gửi cho HĐQT sớm nhất có thể.

5.1.7. Trách nhiệm phản hồi của HĐQT

- HĐQT có trách nhiệm phản hồi các nội dung về: Điều Lệ, Quy chế quản trị nội bộ và các vấn đề trong cơ cấu tổ chức trong thời hạn mười lăm (15) ngày.
- Các nội dung phê chuẩn giao dịch với người có liên quan hoặc giao dịch trọng yếu, HĐQT phải phản hồi bằng văn bản trong thời hạn mười lăm ngày (15) ngày.

5.2. Đánh giá hoạt động của HĐQT

Hàng năm HĐQT sẽ tổ chức đánh giá hoạt động chung trên các khía cạnh:

- ✓ Số lượng các buổi họp;
- ✓ Việc triển khai nghị quyết của HĐQT;
- ✓ Các nội dung đã thảo luận;
- ✓ Chất lượng, tính đúng đắn của các quyết định, khuyến nghị đã đưa ra trong năm;

- ✓ Công tác tổ chức, hậu cần, chuẩn bị nội dung cho hoạt động của HĐQT;

Điều 6. Báo cáo và công bố thông tin

6.1. Nghĩa vụ công bố thông tin

- Công Ty có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.
- Việc công bố thông tin được thực hiện trên website của Công Ty, hệ thống công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và các phương tiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt và được khuyến khích sử dụng tiếng Anh. Khi có sự khác biệt trong công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh, bản tiếng Việt được ưu tiên sử dụng.

6.2. Công bố về mô hình tổ chức quản lý của Công Ty

- Công Ty báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Công Ty theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp.
- Trong trường hợp Công Ty thay đổi mô hình hoạt động, Công Ty phải báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi ĐHĐCĐ có quyết định thay đổi mô hình.

6.3. Công bố thông tin về quản trị Công Ty

- Công Ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ ĐHĐCĐ thường niên và trong báo cáo thường niên của Công Ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
- Công Ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

6.4. Công bố thông tin về thu nhập của Tổng Giám đốc

Tiền lương của Tổng Giám đốc phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

6.5. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên HĐQT, Ban điều hành

Các thành viên HĐQT và Ban điều hành phải thực hiện các nghĩa vụ báo cáo công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.

6.6. Quy chế nội bộ về công bố thông tin

- Công Ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.
- Công Ty phải có ít nhất một (01) nhân viên công bố thông tin. Nhân viên công bố thông tin của Công Ty có trách nhiệm sau:

- ✓ Công bố các thông tin của Công Ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;
- ✓ Công khai tên, số điện thoại làm việc.

Điều 7. Giám sát thực hiện

- Công Ty, các cá nhân, tổ chức liên quan và các cổ đông Công Ty phải chịu sự giám sát về quản trị Công Ty của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định hiện hành của pháp luật.
- Công Ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán nhà nước và các cơ quan chức năng khác có thẩm quyền.

Điều 8. Hiệu lực

- Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia bao gồm 8 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày..... thángnăm 2023
- HĐQT có trách nhiệm cập nhật các thay đổi của pháp luật để sửa đổi, bổ sung tương ứng nội dung Quy Chế này cho phù hợp. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa quy định của Quy Chế và quy định của pháp luật tương ứng, quy định của pháp luật tương ứng sẽ được ưu tiên áp dụng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN BÁ SÁNG